**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

**(tính đến ngày 13/8/2025)**

Bộ Y tế đã gửi xin ý kiến góp ý của 34 địa phương. Hiện nay, Bộ Y tế nhận được 26 văn bản góp ý, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **TIẾP THU, GIẢI TRÌNH** |
| **A. VỀ DỰ THẢO LUẬT** | | | |
| **I. VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | Dự thảo đã mở rộng đối tượng áp dụng bao gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động thực phẩm tại Việt Nam. Tuy nhiên, cần làm rõ hơn về cơ chế phối hợp và quản lý đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và các hiệp định thương mại tự do. | Tiếp thu: Tại khoản 5 Điều 4 về chính sách của nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm đã quy định *“Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ký kết điều ước, thoả thuận quốc tế về công nhận, thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực thực phẩm”*. Đồng thời đã bổ sung điểm c khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật theo hướng doanh nghiệp nước ngoài không được trực tiếp đứng tên đăng ký lưu hành hoặc tự công bố thực phẩm mà phải thông qua văn phòng đại diện tại Việt Nam. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Bổ sung cụm từ “thực phẩm” vào sau cụm từ “điều kiện của cơ sở kinh doanh” tại nội dung khoản 1 Điều 1 thành:  *“1. Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm; điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm,chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;điều kiện của cơ sở kinh doanh* ***thực phẩm;…”***  Lý do: Câu “điều kiện của cơ sở kinh doanh”: là câu độc lập nhưng chưa có loại hình kinh doanh cụ thể | Tiếp thu và đã chỉnh sửa phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật. |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | Đề nghị chỉnh sửa như sau:  Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm **an toàn, chất lượng** thực phẩm; điều kiện bảo đảm **an toàn, chất lượng** đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; điều kiện của cơ sở kinh doanh; **nhập khẩu; xuất khẩu; quảng cáo; ghi nhãn**; kiểm nghiệm; phân tích và **quản lý** nguy cơ, phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố; thông tin, giáo dục, truyền thông; trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật. |
| **II. VỀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO** | | | |
| **1** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng,**  **Sở Y tế Đắk Lắk, Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng** | Ghi cụ thể *“…sản xuất, kinh doanh”* (bổ sung thêm sản xuất). | Giải trình: Theo quy định tại khoản 18 Điều 2 dự thảo Luật, đã quy định:  *“* *Kinh doanh sản phẩm thực phẩm là hoạt động kinh doanh có điều kiện của tổ chức, cá nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ thực phẩm hoặc cung ứng dịch vụ sản phẩm thực phẩm trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.”.*  Quy định về kinh doanh đã bao gồm cả hoạt động sản xuất, được phù hợp với khái niệm “Kinh doanh” quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật doanh nghiệp. Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Đề xuất bổ sung Điều, khoản riêng quy định về An ninh thực phẩm | Tiếp thu. Đã chỉnh sửa khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật như sau: *“Xây dựng các chuỗi giá trị và liên kết các chuỗi giá trị cung ứng sản phẩm thực phẩm chất lượng, an toàn; ưu tiên hỗ trợ phát triển các vùng chuyên canh, theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); xây dựng các vùng sản xuất nguyên liệu làm thực phẩm an toàn, chợ đầu mối nông sản thực phẩm, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp, bảo đảm* ***an ninh thực phẩm*** *để người dân được tiếp cận đầy đủ, kịp thời sản phẩm thực phẩm chất lượng, an toàn.”*  Ngoài ra, tại khoản 12 Điều này đã giao Chính phủ quy định chi tiết. |
| **3** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng và Chương X. Quản lý nhà nước về thực phẩm: nên thống nhất nội dung là quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm hay quản lý nhà nước về thực phẩm? | Đã tiếp thu và sửa tên Chương X là “Quản lý nhà nước về thực phẩm”. |
| **4** | **Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long** | Đề nghị sử dụng thống nhất từ “An toàn, chất lượng” đối với các Chương, Mục của Luật An toàn thực phẩm. | Tiếp thu |
| **5** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Tại Điều 23 về phương thức kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu theo 3 cấp độ (chặt, thông thường, giảm) dựa trên mức độ rủi ro là rất khoa học, giúp thông quan nhanh hàng hóa, giảm chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời cho phép tập trung nguồn lực vào các lô hàng/doanh nghiệp có nguy cơ cao. Để thực hiện được việc kiểm tra theo rủi ro, đội ngũ cán bộ kiểm tra tại cửa khẩu (bao gồm cả kiểm dịch y tế) cần được đào tạo chuyên sâu về phương pháp đánh giá rủi ro. Cần đầu tư trang thiết bị test nhanh, lấy mẫu tại chỗ. Đề nghị Luật có một điều khoản về *“**Phát triển năng lực cho cơ quan kiểm tra nhà nước tại cửa khẩu”* để thực hiện tốt nội dung này. | Tiếp thu và đã bổ sung vào khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật như sau: *“đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra về thực phẩm”.* |
| **6** | **Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;**  **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát và chỉnh sửa các cụm từ “quy chuẩn”, “tiêu chuẩn kỹ thuật” thành “quy chuẩn kỹ thuật”, “tiêu chuẩn” để đảm bảo tính chính xác của thuật ngữ so với quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa các cụm từ “quy chuẩn”, “tiêu chuẩn kỹ thuật” thành “quy chuẩn kỹ thuật”, “tiêu chuẩn”. |
| **7** | **Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên** | Bổ sung nguyên tắc “phòng ngừa rủi ro an toàn thực phẩm dựa trên bằng chứng khoa học” và “quản lý nguy cơ toàn chuỗi”. | Giải trình: Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật đã quy định về nguyên tắc quản lý nguy cơ theo toàn chuỗi như sau:  *“3. Quản lý chất lượng, an toàn sản phẩm thực phẩm được thực hiện trong suốt quá trình kinh doanh sản phẩm thực phẩm từ yếu tố đầu vào trên cơ sở phân tích nguy cơ đối với sản phẩm thực phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”.* |
| Bổ sung thêm mục hoặc chương riêng về thực phẩm chức năng, lý do: thực phẩm chức năng dễ bị lạm dụng trong quảng cáo và kinh doanh, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, việc bổ sung quy định riêng sẽ đảm bảo an toàn, minh bạch thông tin, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. | Hiện nay, dự thảo Luật không sử dụng thuật ngữ “thực phẩm chức năng” mà phần chia thành các nhóm thực phẩm cụ thể như sau:  - Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt;  - Thực phẩm dinh dưỡng y học;  - Thực phẩm bổ sung.  Để thuận tiện trong việc áp dụng các biện pháp quản lý do các nhóm thực phẩm này dễ bị lạm dụng trong quảng cáo và kinh doanh, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **8** | **Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk, Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Góp ý Điều 2 (Giải thích từ ngữ)  Đề nghị sắp xếp thứ tự các từ ngữ theo vần ABC (như Luật An toàn thực phẩm năm 2010) để tiện tra cứu. | Giải trình: Việc giải thích từ ngữ được thực hiện theo chuỗi thực phẩm. Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **9** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Đề xuất thống nhất cách viết, sửa đổi một số cụm từ như sau:  - Thống nhất trong cách viết: “đã đăng ký lưu hành hoặc tự công bố” hay “đã đăng ký lưu hành/tự công bố”.  - Đề nghị cơ quan soạn thảo cần làm rõ khái niệm về “chỉ tiêu chất lượng”, “chỉ tiêu an toàn” và “đặc tính kỹ thuật cơ bản” trên cơ sở đó quy định nếu vi phạm về chỉ tiêu chất lượng thì mới quy vào hàng giả. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật.  Giải trình: Các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn và đặc tính cơ bản được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc các quy định của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **10** | **Sở Y tế tỉnh Lai Châu, Sở Y tế tỉnh Đồng Nai** | Tại phần căn cứ pháp lý bản dự thảo nêu: “*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, đề nghị xem xét sửa lại thành: “*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15*” cho đảm bảo đúng theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ- CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| **11** | **Sở Y tế tỉnh Lai Châu** | Điều 6 quy định về chế tài xử lý vi phạm hành chính, Chương II quy định về Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, tuy nhiên đối chiếu quy định tại điểm c khoản 5 Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì *quy định về quyền và nghĩa vụ được trình bày* ***trước*** *quy định về chế tài*. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu thiết kế Điều 6 và Chương II cho đảm bảo về bố cục của văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. | Tiếp thu, đã chuyển Điều 6 xuống Chương X quy định quản lý nhà nước về thực phẩm (Điều 51). |
| **12** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại Mục 2. “Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, xuất khẩu”.  Đề nghị bổ sung thành *“Điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm****, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm*** *xuất khẩu”.* | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| **13** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Đề xuất bố cục Chương riêng về các hành vi bị cấm; bổ sung Điều luật quy định xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện Luật *(bao gồm hành vi vi phạm thuộc nhiều ngành quản lý, tình huống xử lý các sản phẩm thực phẩm sau khi cơ quan có thẩm quyền Thu hồi hiệu lực Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm;…)*. | Tham khảo quy định tại các Luật hiện hành, chỉ có một điều quy định về hành vi nghiêm cấm.  Việc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan, bao gồm cả hành vi vi phạm thuộc nhiều ngành quản lý, tình huống xử lý các sản phẩm thực phẩm sau khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi hiệu lực giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm;…. Vì vậy, xin giữ nguyên một điều quy định về các hành vi nghiêm cấm tại dự thảo Luật. |
| **14** | **Sở Y tế tỉnh Đồng Nai** | Căn cứ mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa  và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, không trình bày phần địa danh, ngày, tháng, năm ban hành văn bản. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| **III. VỀ NỘI DUNG CỤ THỂ** | | | |
| **1. Điều 2** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Tây Ninh, Sở Y tế tỉnh Lào Cai, Sở Y tế tỉnh Nghệ An, Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | Đề xuất xem xét nội dung tại khoản 6, 7 Điều 2 định nghĩa: Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng và Thực phẩm bổ sung khác nhau như thế nào trong khi đó theo khoản 3 và khoản 4 Điều 13 thì thực phẩm bổ sung phải đăng ký lưu hành còn thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng thì thực hiện tự công bố dẫn đến việc cùng bổ sung vi chất nhưng thực hiện hình thức công bố sản phẩm khác nhau. | Thông tư số 18/2011/TT-BYT ngày 30/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế - QCVN 9-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thực phẩm bổ sung vi chất đinh dưỡng. Tại khoản 8 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: *“Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng là thực phẩm được bổ sung thêm một hay nhiều vi chất dinh dưỡng với hàm lượng nhất định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”.*  Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý thực phẩm chức năng, trong đó có thực phẩm bổ sung. Tại khoản 9 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: *“Thực phẩm bổ sung (supplemented food) là thực phẩm được bổ sung vi chất và các yếu tố có lợi cho sức khỏe như vitamin, khoáng chất, acid amin, acid béo, enzyme, prebiotic, probiotic, postbiotic và chất có hoạt tính sinh học khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”*.  Do là 2 nhóm sản phẩm khác nhau, được phân loại nguy cơ khác nhau dẫn đến việc cùng bổ sung vi chất nhưng phương thức quản lý khác nhau (đăng ký hoặc công bố). |
| **2** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên, Sở Y tế tỉnh Tây Ninh, Sở Y tế tỉnh Lào Cai, Sở Y tế tỉnh Nghệ An, Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | Tại Khoản 38 Điều 2 Giải thích từ ngữ:  Thống nhất giữa các văn bản về quy định hàng hóa giả, thực phẩm giả.  Điểm b Khoản 7 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP định nghĩa Hàng giả gồm: *“Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa;”*  Tuy nhiên tại Khoản 38 Điều 2 Luật ATTP sửa đổi không đề cập nội dung này. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa khoản 38 Điều 2 dự thảo Luật như sau:  *“a) Sản phẩm thực phẩm có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký lưu hành hoặc tự công bố;*  *b) Sản phẩm thực phẩm chưa đăng ký lưu hành hoặc tự công bố có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với ghi nhãn, bao bì thực phẩm;”.* |
| **3** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên** | Khoản 33, Điều 2 bỏ từ “kinh doanh” sửa thành  “33. Cơ sở dịch vụ ăn uống là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin, bếp ăn tập thể và dịch vụ ăn uống lưu động.” | Tiếp thu và đã chỉnh sửa trong dự thao Luật. |
| **4** | **Sở Y tế tỉnh Tây Ninh** | Tại Khoản 33 Điều 2 đề xuất làm rõ nghĩa loại hình dịch vụ ăn uống lưu động bao gồm những loại hình nào? (các cơ sở nấu ăn từ thiện và đem phân phát tại các bệnh viện, các cơ sở phục vụ hiếu hỉ có thuộc loại hình dịch vụ ăn uống lưu động không?) | Tiếp thu ý kiến: Đã chỉnh sửa theo hướng bổ sung khoản 5 Điều 18 như sau: *“5. Tổ chức, cá nhân hoạt động cung cấp thực phẩm không vì mục đích thương mại không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm và tự công bố cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm nhưng phải tuân thủ các điều kiện về kinh doanh thực phẩm tương ứng quy định tại Điều 17 của Luật này và phải cam kết việc tuân thủ điều kiện với cơ quan, tổ chức nơi thực hiện hoạt động cung cấp thực phẩm.*  *Căn cứ vào tần suất, quy mô cung cấp thực phẩm, Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương thức quản lý đối với tổ chức, cá nhân hoạt động cung cấp thực phẩm không vì mục đích thương mại .”.* |
| **5** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | 5. Tại Điều 2, đề nghị làm rõ các khái niệm như ***“bán thành phẩm”, “sản xuất ban đầu”, “sơ chế thực phẩm”, “chế biến thực phẩm”*** nhằm tránh hiểu sai và bảo đảm chính sách phù hợp thực tế; đồng thời rà soát, chuẩn hóa các khái niệm như ***“thực phẩm bổ sung”, “thực phẩm tăng cường vi chất”*** theo tiêu chuẩn quốc tế (Codex). | Tiếp thu, đã rà soát và chỉnh sửa để bảo đảm rõ ràng, phù hợp với Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex) |
| **6** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Nhiều khái niệm quá dài như: Khoản 14 khái niệm về phụ gia thực phẩm, Khoản 38 thực phẩm giả… | Tiếp thu, đã rà soát và chỉnh sửa để bảo đảm rõ ràng, phù hợp với thông lệ quốc tế. |
| Mục 4, Điều 2. Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt: đề nghị bổ sung thêm đối tượng người thừa cân, béo phì vào trong đối tượng. | Giải trình: Người thừa cân, béo phì chỉ là một trong các đối tượng có thể sử dụng thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt. Việc hướng dẫn sử dụng thực phẩm dành cho các đối tượng này sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn Luật. |
| **7** | **Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn** | **Khoản 33, Điều 2:** *Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống* là cơ sở tổ chức chế biến, cung cấp thức ăn, đồ uống để ăn ngay có địa điểm cố định bao gồm cửa hàng ăn uống; cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn; căng tin kinh doanh ăn uống; bếp ăn tập thể; nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống lưu động.  **Lý do:**  Đây là định nghĩa đã được quy định tại khoản 1, điều 2, thông tư 30/2012/TT-BYT của Bộ Y tế, *để tổ chức thực hiện Luật An toàn thực phẩm năm 2010 từ năm 2012 đến năm 2018*, Thông tư Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố. Mặc dù Thông tư số 30/2012/TT-BYT đã bị bãi bỏ bởi khoản 6, điều 1 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018. Tuy nhiên nội dung định nghĩa về *cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống* bao gồm cả thức ăn **và đồ uống**, bao quát được nhiều đối tượng đang thực hiện kinh doanh dịch vụ ăn uống trong thực tiễn hơn giải thích từ ngữ tại Dự thảo. | Giải trình: Khái niệm trong dự thảo Luật đã làm rõ các cơ sở thực hiện việc cung cấp thực phẩm, bao gồm cả mục đích kinh doanh và không nhằm mục đích thương mại và đã bao gồm các cơ sở theo góp ý. Vì vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **8** | **Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long** | Đề nghị bổ sung khái niệm ***Kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động***.  Lý do: Để giúp địa phương hiểu chính xác và đầy đủ, thuận tiện trong quá trình thực hiện. | Tiếp thu và đã bổ sung vào dự thảo Luật. |
| **9** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Tại điểm a khoản 3 Điều 2 khái niệm về thực phẩm bảo vệ sức khỏe có thành phần *“Vitamin, khoáng chất, axit béo, enzyme, probiotic và chất có hoạt tính sinh học khác”* dễ gây nhầm lẫn với khái niệm thực phẩm bổ sung. Vì trên thực tế một số thực phẩm bổ sung cũng được chế biến thành các dạng cốm, lỏng, được đựng trong bao bì thích hợp để sử dụng hàng ngày. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh để tránh nhầm lẫn. | Giải trình:  Thực phẩm bảo vệ sức khỏe có mục đích nhằm duy trì, tăng cường, cải thiện các chức năng của cơ thể con người, giảm nguy cơ mắc bệnh. Trong khi đó, thực phẩm bổ sung bổ sung các loại chất dinh dưỡng theo lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam theo nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị và Bộ Y tế đã có hướng dẫn cụ thể cho 2 nhóm thực phẩm này, do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Đề nghị cơ quan soạn thảo cần làm rõ khái niệm về “chỉ tiêu chất lượng”, “chỉ tiêu an toàn” và “đặc tính kỹ thuật cơ bản” trên cơ sở đó quy định nếu vi phạm về chỉ tiêu chất lượng thì mới quy vào hàng giả. | Giải trình: Các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn và đặc tính cơ bản được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc các quy định của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| Tại khoản 25 Điều 2 về khái niệm “Kiểm nghiệm thực phẩm” hiện tại không có trong Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; và nếu quy định như dự thảo, cơ quan nhà nước muốn kiểm tra chất lượng hàng hóa của một sản phẩm thực phẩm phải thực hiện kiểm nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu an toàn và chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn do cơ sở công bố áp dụng (ví dụ: để kiểm tra sản phẩm nước uống đóng chai phải thực hiện kiểm nghiệm đủ 26 chỉ tiêu theo QCVN 6-1:2010/BYT). Điều này, không phù hợp với thực tế quản lý.  Lý do: Kinh phí để kiểm tra 01 mẫu như thế quá lớn, không phù hợp với nguyên tắc phân loại và quản lý theo nhóm nguy cơ quy định tại Điều 32 Luật này.  Ví dụ: Đối với nhóm thực phẩm có nguy cơ cao nhiễm vi sinh thì chỉ cần thử nghiệm các chỉ tiêu vi sinh để đánh giá mức độ an toàn; hoặc đối với nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung… thì chỉ cần thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng để đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa hoặc hàng giả. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 8 Thông tư 01/2024/TT-BKHCN ngày 18/01/2024 quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường chỉ quy định “Thử nghiệm hàng hóa”.  Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại khái niệm về “kiểm nghiệm thực phẩm” cho phù hợp, nếu có chỉ áp dụng cho các trường hợp đăng ký lưu hành hoặc tự công bố sản phẩm. | Giải trình:  - Khái niệm “Kiểm nghiệm thực phẩm” đã có trong Luật An toàn thực phẩm hiện hành. Ngoài ra, tại Điều 4 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa cho phép các Luật chuyên ngành quy định về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa khác Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.  - Thực tiễn quản lý thực phẩm trong thời gian qua cho thấy việc chỉ yêu cầu kiểm nghiệm đối với một số chỉ tiêu về an toàn là không phủ hợp, các chỉ tiêu thực phẩm phải bao gồm cả chỉ tiêu chất lượng và chỉ tiêu an toàn. Nội dung này đã được các cơ quan chức năng kiến nghị  - Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, đoàn thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm lựa chọn các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn thực phẩm để kiểm nghiệm. Việc đoàn thanh tra, kiểm tra chuyên ngành lựa chọn một hoặc nhiều chỉ tiêu căn cứ theo nguy cơ mất an toàn và nguy cơ suy giảm chất lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. |
| **10** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | - Cần xem xét bổ sung hoặc làm rõ hơn về “thực phẩm chức năng” hoặc “thực phẩm bổ sung” trong bối cảnh thị trường hiện nay có nhiều sản phẩm này và việc quản lý, quảng cáo còn nhiều bất cập. Dự thảo có đề cập đến “Thực phẩm bảo vệ sức khỏe” và “Thực phẩm bổ sung” nhưng cần chi tiết hơn về quy định quản lý, cấp phép và thực hiện việc kiểm tra (tiền kiểm/hậu kiểm) để tránh các hành vi lạm dụng, quảng cáo sai sự thật. | Hiện nay, dự thảo Luật không sử dụng thuật ngữ “thực phẩm chức năng” mà phần chia thành các nhóm thực phẩm cụ thể như sau:  - Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt;  - Thực phẩm dinh dưỡng y học;  - Thực phẩm bổ sung.  Để thuận tiện trong việc áp dụng các biện pháp quản lý do các nhóm thực phẩm này dễ bị lạm dụng trong quảng cáo và kinh doanh, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.  Ngoài ra, khái niệm “Thực phẩm bổ sung” đã được định nghĩa tại khoản 9 Điều 2 dự thảo Luật.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| - “Thức ăn đường phố” được định nghĩa rõ ràng, nhưng cần có các quy định cụ thể và khả thi hơn về điều kiện kinh doanh, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm đối với loại hình này, vốn rất phổ biến và khó quản lý chặt chẽ trong thực tế hiện nay. | Giải trình: Hiện nay điều kiện kinh doanh, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm đối với loại hình kinh doanh thức ăn đường phố giao cho Chính phủ quy định. |
| - Định nghĩa về “Thực phẩm giả” đã khá toàn diện. Tuy nhiên, trong bối cảnh công nghệ làm giả ngày càng tinh vi, có thể cần thêm các tiêu chí định tính hoặc định lượng linh hoạt để cơ quan quản lý có thể cập nhật kịp thời các phương thức làm giả mới. | Bổ sung vào khoản 38 Điều 2 Luật này nội dung như sau:  *“* *a) Sản phẩm thực phẩm có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký lưu hành hoặc tự công bố;*  *b) Sản phẩm thực phẩm chưa đăng ký lưu hành hoặc tự công bố có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với ghi nhãn, bao bì thực phẩm;”* |
| - Cần xem xét bổ sung định nghĩa cho các khái niệm mới phát sinh từ sự phát triển của công nghệ thông tin và mô hình, loại hình,… kinh doanh hiện nay, ví dụ như "thực phẩm sản xuất tại nhà”, “kinh doanh trên môi trường trực tuyến”,… | Giải trình:  Dự thảo Luật định nghĩa những khái niệm cơ bản, được sử dụng trong dự thảo Luật. Còn các định nghĩa chưa xuất hiện tại dự thảo Luật hoặc cần có quy định chi tiết sẽ được định nghĩa tại các văn bản dưới Luật.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| - Đề nghị bỏ Khoản 17 Điều 2: “Sản xuất ban đầu” là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác (chưa xuất hiện trong nội dung Luật) do “sản xuất ban đầu” không có nội dung dự thảo luật. | Giải trình: Khái niệm “Sản xuất ban đầu” là đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Khái niệm này đang được quy định tại khoản 3 Điều 44 dự thảo Luật.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| - Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ “Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ” vì lĩnh vực nông nghiệp cơ sở sản xuất ban đầu quy mô nhỏ lẻ (trồng trọt chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) nhưng quy mô lớn và “Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ, Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ” là đối tượng thực hiện tự công bố điều kiện an toàn thực phẩm tại Khoản 1 Điều 19. | Giải trình: Khái niệm “sản xuất ban đầu” đang được quy định tại khoản 20 Điều 2 dự thảo Luật. Khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật đang quy định điều kiện đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, trong đó bao gồm cả cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.  Ngoài ra, tại khoản 11 Điều 17 dự thảo Luật đang giao Chính phủ quy định chi tiết điều này.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **11** | **Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng** | Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ: “xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác”, “xử lý thực phẩm” để có căn cứ rõ hơn khi áp dụng định nghĩa “sơ chế thực phẩm” (tại khoản 18 Điều 2), “chế biến thực phẩm” (tại khoản 19 Điều 2); “thực phẩm gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người” để có căn cứ rõ hơn khi áp dụng định nghĩa an toàn thực phẩm (tại khoản 22 Điều 2); “nguyên liệu, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm” “không rõ nguồn gốc, xuất xứ” để có căn cứ rõ hơn trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm.” | Giải trình:  Cụm từ “xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác”, “xử lý thực phẩm” là hoạt động cụ thể trong quá trình sơ chế, chế biến và xử lý sự cố về an toàn thực phẩm. Các nội dung này sẽ được hướng dẫn chi tiết tại các văn bản dưới Luật.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Bổ sung khoản 30 Điều 2, tác nhân gây ô nhiễm là bất kỳ chất nào không chủ định bổ sung vào thực phẩm hoặc *từ môi trường sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác bảo quản, vận chuyển* có mặt trong thực phẩm hoặc bao gồm các thao tác thực hiện khi thu hoạch ngoài đồng ruộng, trang trại chăn nuôi và từ thuốc thú y, *phân bón, thuốc bảo vệ thực vật*, chế biến, chuẩn bị, xử lý, bao gói, vận chuyển hoặc bảo quản thực phẩm. Thuật ngữ này không bao gồm các mảnh xác côn trùng, lông của động vật gặm nhấm và các chất lạ khác (bổ sung nội dung chữ in nghiêng). | Giải trình: Khái niệm “tác nhân gây ô nhiễm” đã được viết theo khái niệm của CODEX “contaminant”.  Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| Sửa đổi khoản 34 Điều 2, “Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật” thành *“Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật”*. | Giải trình: Do dự thảo Luật đang giải thích khái niệm cơ sở dịch vụ ăn uống, cơ sở kinh doanh thức ăn lưu động nên để tránh việc bỏ sót các cơ sở với các tên gọi khác có thể phát sinh sau khi luật được ban hành nên đã đưa nguyên khái niệm *“cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ”* từ Nghị định 15/2018/NĐ-CP vào dự thảo Luật.  Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **12** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Có sự mâu thuẫn, chưa rõ ràng giữa hai khái niệm. Cần nghiên cứu lại hai khái niệm *“1. Thực phẩm”* và *“2. Thực phẩm tươi sống”*  Thực phẩm tại công đoạn sơ chế, sản xuất và bảo quản có thể vẫn đang ở dạng tươi sống. Mặt khác cần làm rõ hơn từ ngữ “sản xuất” có thể hiểu là công đoạn trồng trọt, chăn nuôi hoặc cũng có thể là công đoạn sơ chế, chế biến. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| Khoản 3 Điều 2:  - Cần nghiên cứu, nếu theo giải thích như khái niệm “Thực phẩm bảo vệ sức khỏe” tại dự thảo Luật thì có thể hiểu các sản phẩm như: cao xương, cao cà gai leo,… (dạng cô đặc) là Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.  - Tại điểm a khái niệm về thực phẩm bảo vệ sức khỏe có thành phần “Vitamin, khoáng chất, axit béo, enzyme, probiotic và chất có hoạt tính sinh học khác” dễ gây nhầm lẫn với khái niệm thực phẩm bổ sung. Vì trên thực tế một số thực phẩm bổ sung cũng được chế biến thành các dạng cốm, lỏng, được đựng trong bao bì thích hợp để sử dụng hàng ngày. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh để tránh nhầm lẫn.  Lý do: Các sản phẩm như: cao xương, cao cà gai leo,… là dạng cô đặc, có đặc tính như thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | Giải trình:  Thực phẩm bảo vệ sức khỏe có mục đích nhằm duy trì, tăng cường, cải thiện các chức năng của cơ thể con người, giảm nguy cơ mắc bệnh. Trong khi đó, thực phẩm bổ sung bổ sung các loại chất dinh dưỡng theo lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam theo nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị và Bộ Y tế đã có hướng dẫn cụ thể cho 2 nhóm thực phẩm này, do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật |
| Khoản 4 Điều 2  Cần nghiên cứu và có quy định cụ thể hơn đối với cụm từ “chỉ được sử dụng dưới sự giám sát của nhân viên y tế dùng cho người ăn kiêng, người già, phụ nữ có thai”.  Lý do: Có những sản phẩm thực phẩm bao gói sẵn lưu thông trên thị trường thông dụng và đa dạng thì người sử dụng chỉ cần sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất (ví dụ như sữa dành cho bà bầu, ngũ cốc dành cho người tiểu đường ... những sản phẩm này có thể ăn bằng đường miệng). | Tiếp thu, đã tách khoản 5 Điều 2 thành 2 khoản giải thích thuật ngữ *“thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt”* và *“Thực phẩm dinh dưỡng y học”.*  Đối với những thực phẩm được sử dụng dưới sự giám sát của nhân viên y tế phải thực hiện đăng ký lưu hành và nội dung cụ thể của hồ sơ đăng ký lưu hành được giao Chính phủ quy định chi tiết. |
| Khoản 30 Điều 2  Sửa lại thành:  “30. *Tác nhân gây ô nhiễm* là bất kỳ chất nào không chủ định bổ sung vào thực phẩm có mặt trong thực phẩm gây ô nhiễm thực phẩm (bao gồm tất các chất, các tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật, kháng sinh, hooc môn tăng trưởng, các chất thôi nhiễm phát sinh trong suốt quá trình chăn nuôi, trồng trọt, thu hái, đánh bắt, sơ chế, chế biến, bảo quản và vận chuyển thực phẩm).”  Lý do: Khái niệm *“Tác nhân gây ô nhiễm”* tại dự thảo luật chưa rõ ràng. | Giải trình: Khái niệm *“tác nhân gây ô nhiễm”* đã được viết theo khái niệm của CODEX “contaminant”.  Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| Nên đưa khái niệm 35. *“Kinh doanh thực phẩm”* lên trên sau khái niệm 16, vì liên quan đến các nội dung về việc bỏ cụm từ “sản xuất” để đảm bảo phù hợp với khái niệm “Kinh doanh” quy định tại Luật doanh nghiệp (Khoản 21 Điều 4) | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| **13** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Đề nghị bổ sung khái niệm “Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ”. | Giải trình: Khái niệm “sản xuất ban đầu” đang được quy định tại khoản 20 Điều 2 dự thảo Luật. Khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật đang quy định điều kiện đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, trong đó bao gồm cả cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.  Ngoài ra, tại khoản 11 Điều 17 dự thảo Luật đang giao Chính phủ quy định chi tiết điều này.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Khoản 18,19 Điều 2  Làm rõ, phân biệt cụ thể khái niệm “sơ chế thực phẩm” và chế biến thực phẩm” . Quy định rõ hơn “Xử lý” đối với sơ chế và chế biến khác nhau như thế nào? Hoặc phải có các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về thực phẩm sơ chế/chế biến đối với từng nhóm sản phẩm nông sản, thủy sản,… để tránh việc suy diễn, hiểu không thống nhất các quy định của luật. | Giải trình: Khái niệm sơ chế thực phẩm và chế biến thực phẩm do Bộ NN&MT đề xuất. Việc xử lý đối với sơ chế và chế biến là hoạt động cụ thể trong quá trình sơ chế, chế biến và xử lý sự cố về an toàn thực phẩm. Các nội dung này sẽ được hướng dẫn chi tiết tại các văn bản dưới Luật.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Khoản 23 Điều 2  Xem xét bỏ “tiêu chuẩn kỹ thuật” trong định nghĩa này. Vì theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 còn giá trị hiệu lực quy định “*Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng”*, hoặc Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật  Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2026 cũng quy định “*Tiêu chuẩn do cơ quan, tổ chức, đơn vị công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng”.* | Giải trình: Hiện nay, theo Điều 10 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì ngoài tiêu chuẩn do tổ chức công bố tự nguyện áp dụng (TCCS) còn có tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành (TCVN). Do vậy, trường hợp thực phẩm chưa có Quy chuẩn thì phải áp dụng các Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Tiết 4 điểm d khoản 38 Điều 2 Đề nghị sửa thành*: “Có chất tạo nên công dụng sản phẩm nhưng ở mức thấp hơn mức tối thiểu trong tiêu chuẩn chất lượng đã công bố”.* | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 38 Điều 2 dự thảo Luật:  *Thực phẩm giả* là thực phẩm thuộc một trong các trường hợp sau:  *“a) Sản phẩm thực phẩm có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký lưu hành hoặc tự công bố;*  *b) Sản phẩm thực phẩm chưa đăng ký lưu hành hoặc tự công bố có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với ghi nhãn, bao bì thực phẩm;”* |
| **14** | **Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên** | Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật, đề nghị bỏ nội dung *“chưa qua chế biến”* tại nội dung *“các thực phẩm khác chưa qua chế biến”* để tránh trùng lặp | Giải trình: cụm từ *“các thực phẩm khác chưa qua chế biến”* là câu quét của khái niệm *Thực phẩm tươi sống*.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Luật quy định: “*Thực phẩm bổ sung (supplemented food) là thực phẩm thông thường được bổ sung vi chất và các yếu tố có lợi cho sức khỏe như vitamin, khoáng chất, acid amin, acid béo, enzyme, prebiotic, probiotic, postbiotic và chất có hoạt tính sinh học khác.”.* Đề nghị làm rõ khái niệm *“thực phẩm thông thường”* trong quy định nêu trên để nội dung giải thích từ ngữ được đảm bảo rõ ràng. | Tiếp thu và bỏ cụm từ *“Thông thường”* tại khoản 9 Điều 2 dự thảo Luật.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Tại khoản 11 Điều 2 dự thảo Luật quy định: *“Thức ăn đường phố là thực phẩm và đồ uống được chế biến và/hoặc bán bởi người bán hàng rong trên đường phố và tại các địa điểm công cộng khác để tiêu thụ ngay hoặc tiêu thụ sau đó mà không cần chế biến hoặc chuẩn bị thêm.”.* Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều này có quy định: *“Thực phẩm là sản phẩm mà con người có thể ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, sản xuất và bảo quản. Thực phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và thuốc sử dụng cho người.”.* Như vậy, khái niệm “thực phẩm” được quy định trong dự thảo Luật đã bao gồm đồ uống. Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh nội dung tại khoản 11 Điều 2 để đảm bảo logic, thống nhất trong các quy định của dự thảo Luật. | Tiếp thu đã bỏ từ “Đồ uống” tại khoản 13 Điều 2 dự thảo Luật. |
| **15** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại khoản 3. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, đề nghị sửa thành: *“3. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Health Supplement, Dietary Supplement) là sản phẩm có dạng bào chế viên nang, viên hoàn, viên nén, chế phẩm dạng cốm, bột, lỏng và các dạng bào chế khác và đã phân liều hoặc chưa phân liều trong bao bì thích hợp để bổ sung thêm vào chế độ ăn uống hàng ngày có bằng chứng khoa học giúp duy trì, tăng cường, cải thiện các chức năng của cơ thể con người, giảm nguy cơ mắc bệnh có một hoặc các thành phần sau:”* | Tiếp thu: Việc cung cấp bằng chứng khoa học của Thực phẩm bảo vệ sức khỏe đã được bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 10 của dự thảo Luật. |
| - Tại khoản 5,6,7: Căn cứ theo từ điển tiếng việt thấy khái niệm có tính tương đồng cao, để thuận lợi cho công tác quản lý nên hiểu “Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng” và “Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng” cơ bản giống nhau.  *Đề nghị xếp vào nhóm chung* gọi là “Thực phẩm bổ sung”. Để tránh trường hợp cá nhân tổ chức lợi dụng nghĩa hiểu để né tránh cơ quan quản lý, sử dụng tên gọi để không phải đăng ký lưu hành. | Giải trình:  Thông tư số 18/2011/TT-BYT ngày 30/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế - QCVN 9-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thực phẩm bổ sung vi chất đinh dưỡng. Tại khoản 8 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: *“Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng là thực phẩm được bổ sung thêm một hay nhiều vi chất dinh dưỡng với hàm lượng nhất định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”.*  Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý thực phẩm chức năng, trong đó có thực phẩm bổ sung. Tại khoản 9 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: *“Thực phẩm bổ sung (supplemented food) là thực phẩm được bổ sung vi chất và các yếu tố có lợi cho sức khỏe như vitamin, khoáng chất, acid amin, acid béo, enzyme, prebiotic, probiotic, postbiotic và chất có hoạt tính sinh học khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”*.  Do là 2 nhóm sản phẩm khác nhau, được phân loại nguy cơ khác nhau dẫn đến việc cùng bổ sung vi chất nhưng phương thức quản lý khác nhau (đăng ký hoặc công bố). Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| Tại khoản 25. “Kiểm nghiệm thực phẩm là việc lấy mẫu, xem xét tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến hành các thử nghiệm tương ứng và cần thiết nhằm xác định thực phẩm có đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, để quyết định việc chấp nhận hay loại bỏ thực phẩm”  *Đề nghị sửa thành “*Kiểm nghiệm thực phẩm là việc lấy mẫu, xem xét tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến hành các thử nghiệm tương ứng và cần thiết nhằm xác định thực phẩm có đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, an toàn để quyết định việc chấp nhận hay loại bỏ thực phẩm”. | Tiếp thu và đã sửa đổi tại khoản 30 Điều 2 của dự thảo Luật  *“Kiểm nghiệm sản phẩm thực phẩm là việc thực hiện một hoặc các hoạt động thử nghiệm sản phẩm thực phẩm để đánh giá sự phù hợp của sản phẩm thực phẩm với tiêu chuẩn công bố áp dụng”*. |
| Khoản 34 đề nghị sửa lại thành: 34. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện hộ kinh doanh thực phẩm và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật | Giải trình: Do dự thảo Luật đang giải thích khái niệm cơ sở dịch vụ ăn uống, cơ sở kinh doanh thức ăn lưu động nên để tránh việc bỏ sót các cơ sở với các tên gọi khác có thể phát sinh sau khi luật được ban hành nên đã đưa nguyên khái niệm *“cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ”* từ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP vào dự thảo Luật.  Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **16** | **Sở Y tế tỉnh Đồng Nai** | Về khái niệm "cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ": Đề nghị quy định cụ thể tiêu chí để thuận tiện phân loại và quản lý. | Tiếp thu và đã quy định cụ thể tại khái niệm "cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ" |
| **2. Điều 3** | | | |
| 1 | Sở Y tế tỉnh Quảng Trị | Góp ý Điều 3. Nguyên tắc quản lý thực phẩm:  - Đề nghị Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) cần nêu rõ việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ trung ương tới địa phương.  *\* Lý do*: Nhằm bảo đảm thực hiện đúng, hiệu quả theo tinh thần Chỉ thị 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới. | Tiếp thu và đã bổ sung nội dung cụ thể vào Điều 44 của dự thảo Luật. |
| - Đề nghị bổ sung nguyên tắc “ứng dụng công nghệ số và cơ sở dữ liệu liên thông” trong quản lý.  *\* Lý do:* Việc quản lý an toàn thực phẩm hiện nay cần chuyển dịch sang quản lý số để hỗ trợ trong các hoạt động truy xuất nguồn gốc điện tử, thống kê dữ liệu lưu hành, phản ánh người tiêu dùng,... | Giải trình: Nội dung này đã được quy định tại khoản 8 Điều 4 của dự thảo Luật. |
| 2 | Sở Y tế tỉnh An Giang | Khoản 3. *“Quản lý an toàn, chất lượng thực phẩm bảo đảm thống nhất một đầu mối trên cơ sở phân công, phân cấp rõ ràng và phối hợp liên ngành”* là rất quan trọng, tuy nhiên, đây là vấn đề tồn tại lâu nay. Dự thảo cần có các quy định chi tiết, cụ thể hơn về cơ chế phối hợp liên ngành, phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các Bộ: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan; cần quy định phân cấp quản lý rõ từ trung ương đến tỉnh đến xã, trách nhiệm để tránh chồng chéo, không phân định rõ trách nhiệm. | Tiếp thu và đã quy định cụ thể trách nhiệm về cơ chế phối hợp liên ngành, phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các Bộ: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan tại Điều 44 dự thảo Luật. Đối với trách nhiệm của cấp xã/phường giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố quy định để bảo đảm việc phân cấp, phân quyền. |
| 3 | Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk | Đề nghị bổ sung cụm từ “nhập khẩu” vào khoản 1 Điều 3, thành: *“**1. Quản lý an toàn, chất lượng thực phẩm trên cơ sở quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, hoặc tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất công bố áp dụng”.* | Giải trình: Theo quy định tại khoản 18 Điều 2 dự thảo Luật, đã quy định:  *“* *Kinh doanh sản phẩm thực phẩm là hoạt động kinh doanh có điều kiện của tổ chức, cá nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ thực phẩm hoặc cung ứng dịch vụ sản phẩm thực phẩm trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.”*  Quy định về kinh doanh đã bao gồm cả hoạt động nhập khẩu phù hợp với khái niệm “Kinh doanh” quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật doanh nghiệp. Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| 4 | Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng | “Điều 3. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm”  Đề nghị giữ nguyên các nguyên tắc của Luật An toàn thực phẩm 2010 và bổ sung nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 3 của dự thảo. Đồng thời điều chỉnh khoản 1 Điều 3 Luật An toàn thực phẩm 2010 là “Bảo đảm an toàn thực phẩm là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm” thành: *“Bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng thực phẩm”*. Lý do: Đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm không chỉ riêng công tác quản lý mà còn là trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn đối với thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh. Và để phù hợp với các quy định tại Chương II của dự thảo quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm an chất lượng, an toàn thực phẩm. Sản xuất, kinh doanh thực phẩm là hoạt động có điều kiện, thống nhất với định nghĩa kinh doanh thực phẩm tại khoản 35 Điều 2 dự thảo). | Giải trình: Khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật An toàn thực phẩm 2010 quy định trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Do vậy đã được đưa vào Điều 6, Điều 7 về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **3. Điều 4** | | | |
| **1** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên** | Điều 4 (bổ sung thêm khoản 2)  *“1. Xây dựng các chuỗi giá trị và liên kết các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn chất lượng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành; ưu tiên hỗ trợ phát triển các vùng chuyên canh, theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); xây dựng các vùng sản xuất nguyên liệu thực phẩm an toàn, chợ đầu mối nông sản thực phẩm, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp bảo đảm người dân được tiếp cận và sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, bền vững.*  ***2. Xây dựng các tiêu chí an toàn thực phẩm gắn với các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, trên cơ sở đạt chuẩn nông thôn có tiêu chí về an toàn thực phẩm để có chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý, kiểm soát theo chuỗi an toàn thực phẩm.***  *3. Sử dụng nguồn lực nhà nước và các nguồn lực khác đầu tư nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ sản xuất, phân tích nguy cơ đối với an toàn, chất lượng thực phẩm; nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm phân tích hiện có; xây dựng mới, nâng cấp một số phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn khu vực, quốc tế.*  *4. Khuyến khích các cơ sở kinh doanh thực phẩm đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất; sản xuất thực phẩm chất lượng cao, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng bảo đảm an toàn; xây dựng thương hiệu và phát triển hệ thống cung cấp thực phẩm an toàn.*  *5. Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ký kết điều ước, thoả thuận quốc tế về công nhận, thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực thực phẩm.*  *6. Khuyến khích, tạo điều kiện cho hội, hiệp hội, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm nghiệm thực phẩm.*  *7. Tăng đầu tư, đa dạng các hình thức, phương thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về tiêu dùng thực phẩm an toàn, chất lượng ý thức trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng.*  *8. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thực phẩm liên thông với hệ thốngcơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Phát triển hệ thống thông tin thực phẩm.*  *9. Tăng cường quản lý thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát thực phẩm.*  *10. Khuyến khích sự tham gia của người dân trong việc giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm. Nâng cao năng lực phòng ngừa, chủ động xử lý ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.*  *11. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí xác định các nhóm sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng để có chính sách kiểm soát chặt chẽ.*  *12. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”* | Giải trình: Việc bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm là yêu cầu đối với tất cả các vùng, miền trên toàn quốc, không chỉ riêng một địa phương, một đơn vị hành chính nào. Do vậy, đề nghị giữ nguyên dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Tại khoản 8 Điều 4 về Chính sách của nhà nước về chất lượng, an toàn “Tăng cường quản lý thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc”. Đây là vấn đề rất nóng. Hiện nay, tình trạng hàng hóa không rõ nguồn gốc, hàng xách tay... bán nhiều trên mạng xã hội là một thách thức. Cần có quy định cụ thể về cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ngành (Y tế, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Thông tin & Truyền thông, Công an) để quản lý hiệu quả. | Tiếp thu:  Nội dung liên quan đến cơ chế phối hợp đang được quy định tại Điều 44 và khoản 3 Điều 45 dự thảo Luật. |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | - Khoản 1. Xây dựng các chuỗi giá trị…. thực phẩm bền vững” Đề nghị sửa đổi thành “Xây dựng chiến lược Quốc gia về an toàn thực phẩm”. Do từng thời kỳ sẽ có chính sách phù hợp và hiện thiếu chính sách phát triển chuỗi giá trị cho lĩnh vực ngành công thương, y tế trong thời gian tới. | Giải trình: Tại điểm a khoản 2 Điều 44 dự thảo Luật đang giao trách nhiệm Bộ Y tế chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược về thực phẩm tại Việt Nam.  Tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật đang cụ thể hoá nội dung tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Ban chấp hành trung ương Đảng Khóa XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  Hiện nay đã có Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| - Khoản 6. Tăng đầu tư, đa dạng các hình thức, phương thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về tiêu dùng thực phẩm an toàn, chất lượng ý thức trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng.” là rất cần thiết nhưng thiếu khung hành động. Cần có các quy định giáo dục ATTP được lồng ghép vào giáo dục học đường, y tế dự phòng,... Ràng buộc sự tham gia của hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội trong tuyên truyền và kiểm tra. Công khai chỉ số Hệ số an toàn thực phẩm địa phương, công khai hàng quý để người dân giám sát. | Giải trình:  Nội dung liên quan đến giáo dục an toàn thực phẩm đã được quy định tại “chương IX - Thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm”; các nội dung cụ thể đã được quy định tại chương này.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| - Khoản 8. Tăng cường quản lý thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát thực phẩm" là rất cần thiết trong tình hình hiện nay khi thương mại điện tử phát triển mạnh. Cần có các quy định chặt chẽ hơn về trách nhiệm của các sàn thương mại điện tử, người bán hàng online trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm, công khai thông tin về sản phẩm, nguồn gốc, giấy tờ pháp lý. Khoản 3, Điều 8 đã đề cập đến kinh doanh theo phương thức thương mại điện tử, nhưng cần chi tiết hóa hơn nữa. | Giải trình: Luật Giao dịch điện tử và pháp luật về thương mại đã quy định cụ thể về trách nhiệm của các sàn thương mại điện tử, người bán hàng online….  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| - Khoản 9. Khuyến khích sự tham gia của người dân trong việc giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm” là tích cực. Tuy nhiên, cần có cơ chế rõ ràng để người dân có thể phản ánh, tố giác vi phạm một cách hiệu quả và được bảo vệ. | Tiếp thu: Đã bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 8 dự thảo Luật như sau: *“Phản ánh hành vi vi phạm, sự cố về an toàn thực phẩm đến cơ quan quản lý nhà nước về thực phẩm tại địa phương; tố giác tin báo tội phạm về thực phẩm theo quy định tại Bộ Luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn có liên quan”.* |
| **4** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại Khoản 6: bổ sung *dấu phảy* sau cụm từ “Chất lượng” để ngắt ý với cụm từ “ý thức trách nhiệm” | Tiếp thu |
| Tại khoản 7, điều 4 “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thực phẩm và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Phát triển hệ thống thông tin thực phẩm”  *Đề nghị sửa thành* “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thực phẩm và hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ATTP đồng bộ từ TW tới địa phương liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Phát triển hệ thống thông tin thực phẩm”. | Giải trình: hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thực phẩm đã bao gồm cơ sở dữ liệu liên thông giữa trung ương và địa phương.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| *Đề nghị bổ sung thêm khoản 12 “*Xây dựng các tiêu chí an toàn thực phẩm gắn với các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên cơ sở đạt chuẩn nông thôn có tiêu chí về an toàn thực phẩm để có chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý, kiểm soát theo chuỗi an toàn thực phẩm. | Giải trình: Việc bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm là yêu cầu đối với tất cả các vùng, miền trên toàn quốc, không chỉ riêng một địa phương, một đơn vị hành chính nào. Do vậy, đề nghị giữ nguyên dự thảo Luật. |
| **4. Điều 5** | | | |
| **1** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên** | Bổ sung khoản 15 vào Điều 5  *“15. Lấn chiếm trái phép vỉ hè, lòng đường, hành lang, sân chung, lối đi chung để sản xuất thực phẩm.”* | Giải trình: Không tiếp thu vì nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Trị** | Đề xuất bổ sung Điều 5. Những hành vi bị cấm:  *“- Cấm lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh, quảng cáo thực phẩm không rõ nguồn gốc, không bảo đảm an toàn, chất lượng...*  *- Cấm sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm giả (ví dụ: giấy chứng nhận giả, nhãn hàng hóa giả, giấy kiểm nghiệm giả,…).”*  *\* Lý do*: Hiện nay các hành vi này rất phổ biến trên nền tảng thương mại điện tử nhưng chưa được kiểm soát chặt chẽ gây nguy hại rất lớn đến người tiêu dùng khi sử dụng các sản phẩm thực phẩm trên nền tảng này. | Giải trình: Tất cả các thực phẩm đưa ra lưu thông trên thị trường phải rõ nguồn ngốc và bảo đảm chất lượng, an toàn chứ không chỉ kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.  Đề nghị giữ nguyên nôi dung như dự thảo.  Giải trình: Nội dung cấmsản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm giả (ví dụ: giấy chứng nhận giả, nhãn hàng hóa giả, giấy kiểm nghiệm giả,…) đã được quy định tại điểm c khoản 5 và khoản 11 Điều 5 dự thảo Luật (kinh doanh bao gồm cả sản xuất và nhập khẩu). |
| **3** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Khoản 1, Điều 5: *“Sử dụng nguyên liệu cấm dùng cho thực phẩm để chế biến, sản xuất thực phẩm.”* sửa thành: *“**Sử dụng nguyên liệu không thuộc loại dùng cho thực phẩm để chế biến thực phẩm.”* do hiện chưa có văn bản quy định “Danh mục nguyên liệu cấm dùng cho thực phẩm”. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật. |
| Khoản 4, Điều 5*: “Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc chết không rõ nguyên nhân, động vật bắt buộc bị tiêu hủy; động vật có dư lượng thuốc thú y vượt quá giới hạn cho phép; thực vật có chứa dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật, kim loại nặng vượt quá giới hạn cho phép sử dụng để kinh doanh thực phẩm”* sửa thành *“**Sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc chết không rõ nguyên nhân, động vật bắt buộc bị tiêu hủy; động vật có dư lượng thuốc thú y vượt quá giới hạn cho phép; Thịt hoặc sản phẩm được chế biến từ thịt chưa qua kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y hoặc đã qua kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y nhưng không đạt yêu cầu; thực vật có chứa dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật, kim loại nặng vượt quá giới hạn cho phép làm nguyên liệu để sản xuất hoặc kinh doanh thực phẩm”.* | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Luật |
| Điểm h, khoản 5, Điều 5 đề nghị thay cụm từ *“đăng ký bản công bố”* thành *“đăng ký lưu hành”.* | Tiếp thu |
| Khoản 10, Điều 5: Kinh doanh thực phẩm tại cơ sở không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật sửa thành *“Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm tại cơ sở không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương theo quy định của pháp luật”.*  - **Bổ sung thêm khoản 10 hành vi**: *“Sản xuất thực phẩm”*  *+ Thực phẩm không phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, hoặc tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng;*  *+ Thực phẩm giả, thực phẩm không đạt an toàn, chất lượng;*  *+ Thực phẩm có chứa chất độc hại hoặc nhiễm chất độc, tác nhân gây ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép;*  *+ Thực phẩm có nguyên liệu không đảm bảo an toàn;* | - Tiếp thu, đã chỉnh sửa dự thảo Luật theo hướng nguyên liệu thực phẩm sản xuất theo quy mô công nghiệp thực hiện cấp giấy chứng nhận, nguyên liệu thực phẩm sản xuất không theo quy mô công nghiệp thực hiện tự công bố.  - Giải trình:  + Hành vi sản xuất thực phẩm không phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 dự thảo Luật.  + Thực phẩm giả, thực phẩm không đạt an toàn, chất lượng đã được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 dự thảo Luật.  + Thực phẩm có chứa chất độc hại hoặc nhiễm chất độc, tác nhân gây ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép đã được quy định tại điểm d khoản 5 Điều 5 dự thảo Luật.  + Thực phẩm có nguyên liệu không bảo đảm an toàn đã được quy định tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Luật. |
| **4** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | Các hành vi bị cấm đã được liệt kê khá đầy đủ và cụ thể. Tuy nhiên, cần có các quy định về hình phạt đủ sức răn đe, đặc biệt đối với các hành vi gây hậu quả nghiêm trọng. Điều 6 có đề cập đến mức phạt tiền nhưng cần xem xét mức phạt hành chính có thực sự đủ sức răn đe đối với các hành vi vi phạm tinh vi, gây thiệt hại lớn hay không? | Giải trình:  Căn cứ vào các hành vi cấm tại Luật, các quy định trách nhiệm và hành vi không được làm, Chính phủ sẽ quy định hành vi vi phạm, mức phạt tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về thực phẩm, bên cạnh mức phạt tiền còn có hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả. Ngoải ra, tuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý hình sự.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **5** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Điểm h khoản 5 Điều 5  Bổ sung vào điểm h khoản 5 cụm từ “đăng ký lưu hành” và “đối với thực phẩm thuộc diện phải đăng ký bản công bố/đăng ký lưu hành hoặc tự công bố” thành:  *“h) Thực phẩm chưa được đăng ký bản công bố/****đăng ký lưu hành*** *tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa tự công bố* ***(đối với thực phẩm thuộc diện phải đăng ký bản công bố/đăng ký lưu hành hoặc tự công bố)****”*  Lý do:  - Bổ sung cụm từ “đăng ký lưu hành” bởi theo quy định tại Dự thảo Luật quy định sản phẩm thực phẩm thực hiện đăng ký lưu hành và tự công bố.  - Bổ sung cum từ “đối với thực phẩm thuộc diện phải đăng ký bản công bố/đăng ký lưu hành hoặc tự công bố” bởi nếu theo quy định tại khoản 5 Điều 5 luật dự thảo sẽ bao hàm cả các sản phẩm thực phẩm không thuộc diện phải đăng ký bản công bố hoặc tự công bố nhưng lại bị cấm kinh doanh. | Tiếp thu: đã chỉnh sửa điểm a khoản 5 Điều 5 như sau:  *“Sản phẩm thực phẩm chưa được phép lưu thông theo quy định”*  Đối với “giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm” trước khi Luật này có hiệu lực được thực hiện theo điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 55 dự thảo Luật. |
| **6** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại khoản 7, điều 5 “Cung cấp sai hoặc giả mạo hoặc tự ý sửa chữa hồ sơ, tài liệu, giấy tờ pháp lý của các cơ quan chức năng trong và ngoài nước; sử dụng con dấu giả hoặc giả mạo chữ ký hoặc dấu của cơ sở kinh doanh quá trình thực hiện thủ tục hành chính”  *Đề nghị bổ sung thành* “Cung cấp sai hoặc giả mạo hoặc tự ý sửa chữa hồ sơ, tài liệu, giấy tờ pháp lý của các cơ quan chức năng trong và ngoài nước; sử dụng con dấu giả hoặc giả mạo chữ ký hoặc dấu của cơ sở kinh doanh *trong* quá trình thực hiện thủ tục hành chính”. | Tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung khoản 15  *“15. Lấn chiếm trái phép vỉa hè, lòng đường, hành lang, sân chung, lối đi chung để sản xuất thực phẩm.”* | Giải trình: Không tiếp thu vì nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. |
| **5. Điều 6, Điều 7** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | Cần làm rõ hơn về quy trình, thủ tục bồi thường thiệt hại khi xảy ra sự cố an toàn thực phẩm để đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng được thực thi hiệu quả. Cần bổ sung: Quy định bồi thường thiệt hại chuyên biệt (y tế, vật chất) cho người tiêu dùng;  Tăng mức xử phạt và bổ sung hình phạt hành chính kết hợp đình chỉ hoạt động hoặc niêm yết công khai đối với tổ chức, cá nhân khi xảy ra sự cố an toàn thực phẩm. | Giải trình:  - Quy trình, thủ tục bồi thường thiệt hại khi xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm để đảm bảo quyền lợi của người tiêu dung được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.  - Việc xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền hoặc các hình thức xử phạt bổ sung khác khi để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm được quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực phẩm; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.  - Do hành vi vi phạm pháp luật về thực phẩm ảnh hưởng đến sức khoẻ và tính mạng của người dân nên tại Điều 48 dự thảo Luật đã tăng mức phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật về thực phẩm so với mức phạt quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.  Vì vậy, xin giữ nguyên một điều quy định về các hành vi nghiêm cấm tại dự thảo Luật. |
| **6. Điều 6** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Điểm c, d khoản 2 Điều 7  Đề nghị cần có các quy định giao cho cơ quan, đơn vị nào hướng dẫn về tự kiểm tra, thông tin trung thực, cảnh báo nguy cơ là quan trọng, cần có hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện và chế tài nếu không tuân thủ. | Giải trình:  Việc tìm hiểu pháp luật về nhãn hàng hoá, thiết lập quy trình tự kiểm tra trong quá trình sản xuất thực phẩm, xác định nguy cơ cảnh báo thực phẩm là trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm.  Khoản 2 Điều 6 đang quy định về nghĩa vụ vủa tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm thực phẩm. Theo đó Chính phủ sẽ quy định hành vi, mức phạt, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với việc vi phạm các quy định này tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về thực phẩm.  Vì vậy, xin giữ nguyên một điều quy định về các hành vi nghiêm cấm tại dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại điểm a) khoản 2 Điều 7 “Tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình sản xuất”.  *Đề nghị sửa thành* “Tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về *chất lượng*, an toàn thực phẩm do mình sản xuất”. | Tiếp thu và đã chỉnh lý điểm a khoản 2 Điều 6. |
| **7. Điều 7** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Đề xuất trách nhiệm của các sàn giao dịch điện tử, đơn vị vận chuyển,… trong việc quảng cáo, kinh doanh sản phẩm thực phẩm | Chủ thể trung gian trong kinh doanh thực phẩm thương mại điện tử đã được quy định trong Luật Giao dịch điện tử và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng** | Điều 4 và khoản 3 Điều 8 của Dự thảo đã đề cập đến chính sách và trách nhiệm liên quan đến thương mại điện tử. Với sự phát triển nhanh chóng của kinh doanh thực phẩm trực tuyến, cần có các quy định rõ ràng và cụ thể hơn về kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quảng cáo và xử lý vi phạm trong môi trường số để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng và sự cạnh tranh lành mạnh. | Tiếp thu và đã bổ sung vào khoản 3 Điều 7 của dự thảo Luật như sau:  *“3. Ngoài các quyền và trách nhiệm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, khi kinh doanh theo phương thức thương mại điện tử, cơ sở kinh doanh sản phẩm thực phẩm có quyền và trách nhiệm sau đây:*  *a) Tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về thương mại điện tử, pháp luật về quảng cáo, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan;*  *b) Bảo đảm bảo mật thông tin của người mua theo quy định của pháp luật;*  *c) Đăng tải đầy đủ thông tin về sản phẩm và giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (nếu có), giấy đăng ký lưu hành hoặc bản tự công từng sản phẩm theo quy định của Chính phủ;*  *d) Tuân thủ quy định khác của Chính phủ về kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo phương thức thương mại điện tử.”* |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Khoản 3 Điều 8  Cần xem xét liệu có cần quy định chi tiết hơn về trách nhiệm của các sàn thương mại điện tử, nền tảng giao hàng trong việc kiểm soát an toàn thực phẩm, hoặc cơ chế xử lý khi xảy ra sự cố đối với thực phẩm được bán qua kênh này. | Chủ thể trung gian trong kinh doanh thực phẩm thương mại điện tử đã được quy định trong Luật Giao dịch điện tử và pháp luật về thương mại điện tử không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. |
| **4** | **Sở Y tế tỉnh Lai Châu** | Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia quảng cáo sản phẩm thực phẩm và thương mại điện tử. Nâng mức xử phạt hành chính, làm công cụ răn đe những trường hợp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quảng cáo sản phẩm thực phẩm và thương mại điện tử. | Giải trình: tại Điều 25 của dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia quảng cáo thực phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật Quảng cáo và quy định của Luật này. Luật Quảng cáo và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật này đã quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia quảng cáo sản phẩm thực phẩm và thương mại điện tử.  Khoản 3 Điều 51 dự thảo Luật đã quy định tăng mức phạt tiền tối đa so với mức phạt tiền tối đa của Luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể: “Mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Mức phạt tiền tối đa là 200.000.000 đồng đối với cá nhân và 400.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp áp dụng mức phạt cao nhất theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà vẫn còn thấp hơn 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm thì mức phạt được áp dụng không quá 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm. Tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.” Do vậy, hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quảng cáo sản phẩm thực phẩm và Thương mại điện tử sẽ áp dụng chung theo quy định trên. |
| **8. Điều 8** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Trị** | Đề xuất bổ sung Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm:  Khuyến khích người tiêu dùng tham gia giám sát cộng đồng và phản ánh các hành vi vi phạm về ATTP qua hệ thống phản ánh điện tử hoặc hotline.  *\* Lý do:* Nhằm tăng cường vai trò xã hội hóa trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và phát huy nguồn lực của cộng đồng. | Giải trình: Việc tiếp nhận thông tin, quy trình thủ tục phân loại xử lý, giải quyết, tố giác tin báo về tội phạm đã được quy định tại Bộ Luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn có liên quan (Thông tư số 28/2020/TT-BCA). Ngoài ra còn có hướng dẫn tố giác tội phạm tại bằng ứng dụng VNeID của Bộ Công an.  Trong dự thảo Luật, nội dung liên quan đến khuyến khích người tiêu dùng tham gia giám sát chất lượng an toàn thực phẩm đã được quy định tại khoản 10 Điều 4, điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8. Do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **9. Điều 9** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | “Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký lưu hành sản phẩm và tự công bố”. Đề nghị sửa đổi bổ sung thành “Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký lưu hành sản phẩm và tự công bố sản phẩm”.  Đề nghị rà soát lại các cụm từ như “Tự công bố”, “Tự công bố sản phẩm”, “Tự công bố thực phẩm” và “Bản tự công bố” trong dự thảo. | Tiếp thu và đã rà soát, chỉnh lý để thống nhất cụm từ “tự công bố” tại dự thảo Luật. |
| **10. Điều 10** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Điểm b khoản 1 Điều 11  Đề nghị sửa lại thành:  *“ b) Bảo đảm đáp ứng chỉ tiêu về an toàn, chất lượng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và* *tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố”*  Lý do: Ngoài quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền còn có những sản phẩm thực phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố ban hành tiêu chuẩn cơ sở. Và khi đã ban hành tiêu chuẩn cơ sở thì tổ chức, cá nhân phải đáp ứng tiêu chuẩn đã công bố. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật. |
| **11. Điều 11** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại khoản 1. “Sản xuất từ nguyên vật liệu an toàn, bảo đảm không thôi nhiễm các chất độc hại, mùi vị lạ vào thực phẩm, bảo đảm chất lượng thực phẩm trong thời hạn sử dụng”.  *Đề nghị sửa thành* “Sản xuất từ nguyên liệu an toàn, bảo đảm không thôi nhiễm các chất độc hại, mùi vị lạ vào thực phẩm, bảo đảm chất lượng sản phẩm trong thời hạn sử dụng, *truy xuất được nguồn gốc và giám sát định kỳ mức độ thôi nhiễm của dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”.* | Giải trình:  Các nội dung này đã được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với từng loại vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.  Do vậy, đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **12. Điều 12** | | | |
| **1** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên, Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long** | Đề nghị xem xét bổ sung nhóm ***Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng*** vào Khoản 3, Điều 13. | Giải trình:  Thông tư số 18/2011/TT-BYT ngày 30/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế - QCVN 9-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thực phẩm bổ sung vi chất đinh dưỡng. Tại khoản 8 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: *“Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng là thực phẩm được bổ sung thêm một hay nhiều vi chất dinh dưỡng với hàm lượng nhất định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”.*  Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý thực phẩm chức năng, trong đó có thực phẩm bổ sung. Tại khoản 9 Điều 2 của dự thảo Luật quy định: *“Thực phẩm bổ sung (supplemented food) là thực phẩm được bổ sung vi chất và các yếu tố có lợi cho sức khỏe như vitamin, khoáng chất, acid amin, acid béo, enzyme, prebiotic, probiotic, postbiotic và chất có hoạt tính sinh học khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”*.  Do là 2 nhóm sản phẩm khác nhau, được phân loại nguy cơ khác nhau dẫn đến việc cùng bổ sung vi chất nhưng phương thức quản lý khác nhau (đăng ký hoặc công bố). Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Tây Ninh** | Tại khoản 2 Điều 13: đối tượng được đứng tên đăng ký lưu hành hoặc tự công bố thực phẩm là “các cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm” tuy nhiên trong Dự thảo Luật ATTP không có quy định về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm. | Tại Điều 18 dự thảo Luật đã quy định các cơ sở kinh doanh thực phẩm được cấp, gia hạn, thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật.  Ngoài ra, để bảo đảm đủ các đối tượng được đứng tên đăng ký lưu hành thực phẩm hoặc tự công bố, dự thảo đã bổ sung tại khoản 2 Điều 12 như sau:  *“a) Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm thực phẩm quy định tại Điều 18 của Luật này được đứng tên đăng ký lưu hành, tự công bố sản phẩm thực phẩm;*  *b) Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm thực phẩm được đứng tên đăng ký lưu hành, tự công bố sản phẩm thực phẩm;*  *c) Cơ sở nước ngoài có hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn sản phẩm thực phẩm có văn phòng đại diện tại Việt Nam được đứng tên đăng ký lưu hành, tự công bố sản phẩm thực phẩm;*  *d) Cơ sở tự công bố cơ sở đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm thực phẩm được đứng tên tự công bố.”.* |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Đề nghị bổ sung quy định đối tượng áp dụng đăng ký lưu hành, tự công bố tại khoản 1 Điều 13. | Tiếp thu và đã bổ sung tại khoản 2 Điều 1 về đối tượng áp dụng như sau: *“Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động kinh doanh và hoạt động không vì mục đích thương mại liên quan đến thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm tại Việt Nam”*. |
| **4** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Khoản 2, 3, 4 Điều 13 không chỉ rõ nhóm *“thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng”,* *“thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng”* thuộc diện đăng ký lưu hành hay tự công bố; | Giải trình:  Trường hợp nhóm thực phẩm không quy định tại khoản 3 thuộc đối tượng phải đăng ký lưu hành thì thuộc đối tượng tại khoản 4 thực hiện tự công bố. |
| Khoản 2 Điều 13 quy định về đối tượng đứng tên đăng ký lưu hành hoặc tự công bố thực phẩm không quy định cho cơ sở sản xuất. | Giải trình:  Cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm đã bao gồm cơ sở sản xuất thực phẩm.  Do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **5** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Đề nghị bỏ thủ tục “Gia hạn” vì bản chất đây là cấp mới để giảm thủ tục hành chính. | Giải trình:  Quy định gia hạn sẽ giữ nguyên số của giấy đăng ký lưu hành hoặc số của bản tự công bố. Dự kiến hồ sơ, thủ tục gia hạn sẽ đơn giản hơn hồ sơ, thủ tục đăng ký mới.  Quy định gia hạn này được đưa ra dựa trên quy định về gia hạn của thuốc.  Do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 13 đề nghị sửa như sau:  *a) “Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở* ***đủ điều kiện an toàn thực phẩm*** *được đứng tên đăng ký lưu hành thực phẩm”*  *b) “Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở* ***đủ điều kiện an toàn thực phẩm****,….. ”.*  Lý do: Đảm bảo đúng với tên gọi của Giấy chứng nhận theo điều 18 | Tiếp thu và đã chỉnh lý tại khoản 2 Điều 12 |
| **6** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | Khoản 5. Các trường hợp miễn đăng ký giấy đăng ký lưu hành hoặc tự công bố. Đề nghị bổ sung sản phẩm nông thủy sản tươi sống, sơ chế chưa bao gói vào Khoản 5 Điều 13 thuộc trường hợp miễn tự công bố sản phẩm. Do Điểm a Khoản 1 Điều 11 quy định “Nguyên liệu làm thực phẩm phải được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc tự công bố, trừ trường hợp được miễn theo quy định tại khoản 5 Điều 13 của Luật này”. Nguyên liệu là sản phẩm nông thủy sản tươi sống, sơ chế làm nguyện liệu chế biến thực phẩm còn phải qua nhiều công đoạn chế biến nên việc tự công bố không có ý nghĩa về ATTP. | Tiếp thu và đã bổ sung điểm b khoản 6 Điều 12 như sau:  *“Thực phẩm tươi sống chưa bao gói”* vì khoản 3 Điều 2 dự thảo Luật đã có khái niệm thực phẩm tươi sống *“Thực phẩm tươi sống là thực phẩm chưa qua chế biến bao gồm thịt, trứng, thuỷ hải sản, rau, củ, quả tươi và các thực phẩm khác chưa qua chế biến”.* |
| **7** | **Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk** | Tại điểm a khoản 2: Đề nghị sửa nội dung *“Cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm được đứng tên đăng ký lưu hành thực phẩm”* thành *“Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Điều 18 của Luật này được đứng tên đăng ký lưu hành thực phẩm”.*  Lý do:  - Nhằm đảm bảo sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, sản xuất trong nước được chính doanh nghiệp nhập khẩu hoặc tự sản xuất kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm của chính mình. Tránh tình trạng các doanh nghiệp kinh doanh hợp đồng gia công rất nhiều sản phẩm thực phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất rồi đăng ký bản công bố sản phẩm tại cơ quan có thẩm quyền, dẫn đến lộn xộn không kiểm soát được số lượng cũng như chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường.  - Phù hợp với khoản 1 Điều 3 (Quản lý an toàn, chất lượng thực phẩm trên cơ sở quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, hoặc tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất công bố áp dụng).  Như vậy, chỉ có doanh nghiệp, cơ sở nhập khẩu, sản xuất mới được đăng ký lưu hành thực phẩm. | Tiếp thu và đã chỉnh lý theo góp ý tại điểm a khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật.  Tuy nhiên, do dự thảo Luật điều chỉnh cả chất lượng thực phẩm nên xin giữ nguyên cụm từ “đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm” và đã sửa lại nội dung này tại Điều 18, 19, 20 dự thảo Luật.  Tiếp thu, đã chỉnh sửa khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật như sau:  *“2. Đối tượng được đứng tên đăng ký lưu hành, tự công bố:*  *a) Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm thực phẩm quy định tại Điều 18 của Luật này được đứng tên đăng ký lưu hành, tự công bố sản phẩm thực phẩm;*  *b) Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm thực phẩm được đứng tên đăng ký lưu hành, tự công bố sản phẩm thực phẩm;*  *c) Cơ sở nước ngoài có hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn sản phẩm thực phẩm có văn phòng đại diện tại Việt Nam được đứng tên đăng ký lưu hành, tự công bố sản phẩm thực phẩm;*  *d) Cơ sở tự công bố cơ sở đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm thực phẩm được đứng tên tự công bố.”* |
| **8** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An, Sở Y tế tỉnh Ninh Bình, Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh, Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn, Sở Y tế thành phố Hải Phòng, Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk, Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | Điểm a khoản 4, Điều 13  Đề nghị sửa thành:  *“a) Thực phẩm đã chế biến bao gói sẵn không thuộc đối tượng quy định tại* ***khoản 3*** *Điều này”*  Lý do: Nêu sai quy định tại khoản 3 (không phải khoản 2) | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| **9** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Điểm b khoản 5 Điều 13  Đề nghị sửa thành:  *“b) Thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm chỉ để xuất khẩu, nguyên liệu làm thực phẩm để sản xuất* ***với mục đích*** *xuất khẩu”*  Lý do: để người đọc dễ hiểu hơn. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| **10** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Điểm a, b khoản 2 Điều 13  Đề nghị sửa thành:  a) *“Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm được đứng tên đăng ký lưu hành thực phẩm”.*  b) *“Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...”* | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| Khoản 4 Điều 13:  - Bổ sung các sản phẩm thực phẩm tươi sống chưa qua sơ chế, chế biến hoặc thực phẩm mới chỉ qua sơ chế. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| **11** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Nội dung tại điểm a và b khoản 2 Điều 13  Đề nghị viết lại điểm a, b Khoản 2 Điều 13 cho khoa học và dễ hiểu là:  *“a) Cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm được đứng tên đăng ký lưu hành thực phẩm và đứng tên tự công bố thực phẩm.*  *b) Cơ sở tự công bố đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm chỉ được đứng tên tự công bố thực phẩm.”* | - Dự thảo Luật quy định 2 hình thức đăng ký lưu hành và tự công bố, cơ sở có thể được đứng tên 1 trong 2 hình thức hoặc cả 2 nếu đáp ứng đủ điều kiện, không mặc nhiên được đứng tên cho cả 2 hình thức. Do vậy, đã chỉnh sửa thành dấu “,”.  Giải trình:  - Việc bổ sung thêm từ “đứng tên” sẽ dẫn đến 1 câu có 2 từ này.  - Cơ sở được cấp giấy chứng đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm không chỉ đối với thực phẩm mà còn đối với nguyên liệu làm thực phẩm. |
| **12** | **Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | Cần có quy định cụ thể đối tượng thực phẩm thường đã qua chế biến: thực phẩm nào cần bao gói, ghi nhãn và thực hiện tự công bố; thực phẩm nào được miễn bao gói, ghi nhãn và tự công bố (ví dụ: bánh ngọt, bánh kem,…).  Vì lý do: trong thực tế có rất nhiều sản phẩm đã qua chế biến (ví dụ: bánh kem, bánh ngọt), tuy nhiên nhà sản xuất không thực hiện bao gói mà bán trực tiếp cho người tiêu dùng, có hạn sử dụng dài ngày, vì vậy rất khó kiểm soát. | Giải trình: Nội dung này sẽ được nghiên cứu và quy định chi tiết tại các văn bản dưới Luật. |
| Khoản 3 Điều 13: Đề nghị bổ sung thêm 02 điểm e, g có nội dung như sau:  e) Các vi chất bổ sung vào thực phẩm  g) Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới | Giải trình: Dựa trên đánh giá nguy cơ và thực tiễn quan lý trong thời gian qua, các vi chất bổ sung vào thực phẩm và phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới sẽ thực hiện tự công bố. |
| **13. Điều 13** | | | |
| **1** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Điều 14, chỉ có khoản 1 mà không có khoản 2. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| **14. Điều 14** | | | |
| **1** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên** | Bổ sung khoản 2, Điều 15  *“2. Thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành hoặc bản tự công bố là 05 năm.”*  - Sửa thành:  *“2. Thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành hoặc bản tự công bố là* ***03 năm****.”* | Giải trình: Hiện nay thực phẩm trước khi cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc tự công bố phải được cơ quan có thẩm quyền rà soát hồ sơ, chấp thuận theo quy định.  Khi thực phẩm lưu thông trên thị trường thì được quản lý dựa trên nhóm nguy cơ. Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Khoản 2 Điều 15 nên thống nhất hiệu lực của Giấy đăng ký lưu hành và bản tự công bố là 03 năm để đồng bộ với Khoản 2 Điều 20 là Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cùng có thời hạn 03 năm. | Giải trình: Hiện nay thực phẩm trước khi cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc tự công bố phải được cơ quan có thẩm quyền rà soát hồ sơ, chấp thuận theo quy định.  Khi thực phẩm lưu thông trên thị trường thì được quản lý dựa trên nhóm nguy cơ. Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo. |
| **15. Điều 15** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại điểm a. khoản 1. “Do vi phạm chất lượng”  *Đề nghị sửa thành* “do vi phạm chất lượng, an toàn thực phẩm”. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| Tại điểm k, khoản 1. “Cơ sở kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm tự đề nghị thu hồi giấy đăng ký lưu hành hoặc gỡ bỏ thông tin tự công bố thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm tại Việt Nam”  *Đề nghị sửa thành* “Cơ sở kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, *phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm* tự đề nghị thu hồi giấy đăng ký lưu hành hoặc gỡ bỏ thông tin tự công bố thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm tại Việt Nam”. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| Đề nghị bổ sung điểm n) và o) vào sau điểm m như sau:  *“n) Cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm và Cơ sở tự công bố đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm không còn đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm;*  *o) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết thời hạn hiệu lực hoặc bị thu hồi; tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết thời hạn hiệu lực hoặc bị gỡ bỏ thông tin về cơ sở tự công bố đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”* | Tiếp thu và đã bổ sung điểm m khoản 1 Điều 15 như sau: “*Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm hoặc gỡ bỏ thông tin về cơ sở tự công bố đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do vi phạm về điều kiện dẫn đến chất lượng, an toàn của sản phẩm thực phẩm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc tính mạng của người sử dụng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế”.*  Giải trình: Đối với trường hợp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết thời hạn hiệu lực; tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết thời hạn hiệu lực mà không liên quan đến chất lượng, an toàn của sản phẩmthì không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành hoặc bản tự công bố. |
| **16. Điều 17** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | - Tại khoản 1 Điều 17, đề nghị làm rõ khái niệm *“Cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung và các cơ sở sản xuất thực phẩm* ***được đánh giá có nguy cơ cao…****” .*  - Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng của 3 phương thức kiểm tra tại khoản 1 Điều 23. | Tiếp thu, theo hướng dẫn của FAO và tùy tình hình kinh tế xã hội và công tác quản lý về an toàn thực phẩm Bộ Y tế sẽ căn cứ vào kết quả phân tích đánh giá nguy cơ để phân loại thực phẩm theo 3 nhóm nguy cơ do vậy ban soạn thảo đã bổ sung vào khoản 1, 2 và 3 Điều 32 như sau:  *“1. Sản phẩm thực phẩm phải được phân loại theo một trong 3 nhóm nguy cơ:*  *a) Nguy cơ cao;*  *b) Nguy cơ trung bình;*  *c) Nguy cơ thấp.*  *2. Nguyên tắc phân loại nguy cơ: Mức độ tác động đến sức khỏe, môi trường, khả năng kiểm soát chuỗi cung ứng và cảnh báo từ tổ chức quốc tế.*  *Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể về nguyên tắc, tiêu chí để xác định các nhóm nguy cơ theo quy định tại khoản 1 Điều này;*  *3. Các Bộ được phân công quản lý nhà nước liên quan căn cứ vào nguyên tắc, tiêu xác định danh mục sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo 03 nhóm nguy cơ.*  *Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục sản phẩm thực phẩm theo 03 nhóm nguy cơ trên cơ sở đề xuất của các Bộ.*  *4. Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, cơ chế phối hợp kiểm tra theo nhóm nguy cơ.”.* |
| **2** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Khoản 1, Điều 17. Cần làm rõ Giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO do đơn vị nào cấp? | Tiếp thu và đã bổ sung vào khoản 1 Điều 17 cụm từ *“Bộ trưởng Bộ Y tế quy định, công nhận, thừa nhận áp dụng”* để làm rõ Giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO…. |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn;**  **Sở Y tế Vĩnh Long, Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | **Khoản 1 Điều 17**  *“Điều 17. Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm*  *1. Cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung, các vi chất bổ sung vào thực phẩm và các cơ sở sản xuất thực phẩm được đánh giá có nguy cơ cao phải có địa điểm,…”*  Lý do: Dựa trên việc phân tích yếu tố nguy cơ thì các vi chất bổ sung vào thực phẩm sẽ làm nguyên liệu để sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung… những nhóm thực phẩm này hướng đến các đối tượng đặc biệt như người lớn tuổi, trẻ em, người bệnh có sức đề kháng yếu nên các cơ sở sản xuất các vi chất bổ sung vào thực phẩm cần phải kiểm soát chặt chẽ về các điều kiện đảm bảo ATTP trong sản xuất để hạn chế thấp nhất các nguy cơ mất ATTP. | Giải trình: Cơ sở sản xuất các vi chất bổ sung vào thực phẩm đã được quy định tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật. Ngoài ra, các vi chất bổ sung vào thực phẩm làm nguyên liệu để sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung… phải thực hiện tự công bố theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm d khoản 6 Điều 12 dự thảo Luật. Các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung… sử dụng nguyên liệu là các vi chất dinh dưỡng phải được đăng ký lưu hành sản phẩm thực phẩm.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **4** | **Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk** | Đề nghị bổ sung thêm một khoản (khoản 11) với nội dung: *“Chính phủ quy định cụ thể điều kiện an toàn thực phẩm đối với từng loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm”.* | Giải trình: Để Chính phủ có thẩm quyền quyết định linh hoạt việc quy định điều kiện cụ thể đối với từng loại hình kinh doanh thực phẩm mà không yêu cầu bắt buộc Chính phủ quy định cụ thể điều kiện an toàn thực phẩm đối với tất cả các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.  Do vậy, đề nghị được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **5** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Cần nghiên cứu lại các loại hình cho phù hợp, tránh sự trùng lặp, khó hiểu và khó khăn trong quá trình triển khai áp dụng. Cụ thể nội dung góp ý:  - Quy định các loại hình chưa được rõ ràng, còn có nội dung trùng lặp.  - Khoản 8 gộp vào khoản 2 đều là loại hình sản xuất, có thể gộp lại để đọc thuận và dễ hiểu hơn.  - Khoản 2, khoản 7 và khoản 10 có sự trùng lặp nội dung: Cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống bao gồm cả sơ chế, chế biến.  Lý do:  - Quy định các loại hình chưa được rõ ràng, còn có nội dung trùng lặp:  Tại khoản 9. Cơ sở kinh doanh, trừ cơ sở sản xuất thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn đã bao hàm cả các loại hình quy định tại: khoản 10.Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; khoản 7.Cơ sở sơ chế, chế biến; khoản 6.Cơ sở bán lẻ thực phẩm tươi sống; khoản 5.Cơ sở sản xuất thực phẩm tươi sống; khoản 3. Cơ sở bán buôn, bán lẻ | Tiếp thu và đã chỉnh lý theo hướng quy định rõ ràng, không trùng lặp các loại hình kinh doanh thực phẩm. |
| Bổ sung quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.  Lý do: Không có quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thì không có căn cứ để tự công bố đủ điều kiện ATTP. | Giải trình: Dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm đã được quy định phải tự công bố. Do đó đã có kiểm soát đối với sản phẩm thực phẩm. Theo nghiên cứu hiện nay chưa tìm được nước nào có quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo. |
| **6** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Đề nghị làm rõ các quy định cụ thể về điều kiện cơ sở của các loại hình trên. Ví dụ: Yêu cầu về địa điểm, khu cơ chế.... như thế nào hoặc bổ sung thêm 01 khoản quy định.  Chính phủ thống nhất quy định điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm. | Giải trình:  Do thực hiện yêu cầu của Quốc hội về xây dựng luật khung, luật ống nên các nội dung quy định cụ thể về điều kiện của cơ sở sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết. |
| **17. Điều 18** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Tây Ninh** | - Tại điểm a khoản 2 Điều 18 đề xuất chỉnh sửa *“a) Cơ sở sản xuất thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật này;”* thành *“a) Cơ sở sản xuất thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật này”* Lý do: các cơ sở tại khoản 1 Điều 17 là cơ sở được cấp GMP, HACCP, ISO,…  Tại Khoản 2 Điều 18 đề xuất xem xét lại thiếu điểm d, đồng thời bổ sung quy định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống | Đã tiếp thu và bổ sung đối tượng tự công bố là cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. |
| Tại khoản 1 Điều 19 đề xuất bổ sung: Đối tượng thực hiện tự công bố đủ điều kiện an toàn thực phẩm bao gồm các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không vì mục đích lợi nhuận (cụ thể là các bếp ăn từ thiện, các bếp ăn tại các cơ sở tôn giáo).  Đồng thời xem xét bổ sung đối với đối tượng cơ sở kinh doanh thực phẩm (không phải là cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ). | Đã tiếp thu và bổ sung đối tượng tự công bố là cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.  Tại khoản 26 Điều 2 dự thảo Luật đã có định nghĩa về cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ nên xin được giữ nguyên như dự thảo. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Tại điểm c khoản 2 Điều 18, đề nghị sửa cụm từ “***Bếp ăn tập thể và cơ sở cung cấp xuất ăn tập thể”*** thành ***“Các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (trừ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động, cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố)”.*** | Tiếp thu và đã sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 18 thành *“Cơ sở dịch vụ ăn uống”*. Ngoài ra, quy định về cơ sở kinh doanh thức ăn lưu động, cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố đã được quy định tại khoản 3 Điều 18 của dự thảo Luật (trước đây là Điều 19). |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long** | Điểm a, khoản 2 Điều 18  Đề nghị điều chỉnh như sau: *“a) Cơ sở sản xuất thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật này”*  **Lý do:** Các cơ sở thuộc *“khoản 1 Điều 17 Luật này”* đã *“đáp ứng một trong các nguyên tắc, tiêu chuẩn sau: Thực hành tốt sản xuất thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm (GMP); Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP); Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO; Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS); Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC); Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC) hoặc tương đương.”* | Đã tiếp thu và bổ sung đối tượng tự công bố là cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. |
| **4** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng, Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh, Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | - Khoản 2 điều 18: *“Dựa trên việc phân tích yếu tố nguy, cơ sở được cấp giấy …”* sửa thành *“Dựa trên việc phân tích yếu tố nguy cơ, cơ sở được cấp giấy ”;* | Tiếp thu |
| **5** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | - Điểm c, khoản 2, Điều 18 sửa lỗi chính tả; | Đã chỉnh sửa điểm d khoản 2 Điều 18 thành *“c) Cơ sở dịch vụ ăn uống”.* |
| - Khoản 2, Điều 18: cần bổ sung cụ thể loại hình nhà hàng ăn uống, cơ sở nấu cỗ lưu động có năng lực phục vụ trên 200 suất ăn/1 lần phục vụ vào đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện và bổ sung các cơ sở sản xuất thực phẩm như: nước uống đóng bình, đóng chai, nước đá, kem … vào đối tượng cần phải cấp; | Tiếp thu đã bổ sung các cơ sở sản xuất thực phẩm như: nước uống đóng bình, đóng chai, nước đá, kem … vào đối tượng cần phải cấp giấy chứng nhận tại điểm a, khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật theo hướng gộp chung: *“Cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 16 của Luật này”*.  Giải trình: Khoản 24 Điều 2 dự thảo Luật đã giải thích *“Cơ sở dịch vụ ăn uống là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín; nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin, bếp ăn tập thể”*. Do vậy, cơ sở dịch vụ ăn uống đã bao gồm nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn.  Vì vậy, đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **6** | **Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn, Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | 2. Dựa trên việc phân tích yếu tố nguy cơ**, cơ sở được cấp giấy chứng nhận bao gồm:**  a) **Cơ sở sản xuất thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật này**;  b) Cơ sở sản xuất phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vichất dinh dưỡng;  c) Bếp ăn tập thể và cơ sở cung cấp suất ăn sẵn;  đ) Cơ sở khác theo quy định của Chính phủ.  Lý do: “Cơ sở sản xuất thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật này” đã đáp ứng một trong các nguyên tắc, tiêu chuẩn: GMP; HACCP; IFS; BRC, FSSC | Tiếp thu và đã chỉnh lý tại khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật. |
| **7** | **Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn** | *“Điều 19. Tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm*  *1. Đối tượng thực hiện tự công bố đủ điều kiện an toàn thực phẩm*  *a) Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ;*  *b) Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;*  *c) Nhà hàng trong khách sạn;*  *d) Kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động;*  ***Bổ sung đ) Bếp ăn tập thể không có ngành nghề kinh doanh thực phẩm;***  *e) Kinh doanh thức ăn đường phố và lưu động;*  *g) Sản xuất, kinh doanh dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;*  *h) Các cơ sở sản xuất thực phẩm có nguy cơ thấp theo quy định của Chính phủ;*  *i) Cơ sở có sự thay đổi so với thông tin đã tự công bố.”*  **Lý do:** Bếp ăn tập thể không có ngành nghề kinh doanh thực phẩm như bếp ăn của các doanh nghiệp phục vụ công nhân sản xuất; bếp ăn của các cơ quan, đơn vị nhà nước tổ chức (trong trường học, bệnh viện…) với mục đích phục vụ, không phải với mục đích kinh doanh thì cũng cần thiết không thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP tuy nhiên vẫn phải đáp ứng các điều kiện đảm bảo ATTP trong việc hoạt động của bếp ăn tập thể là quy định phù hợp và thống nhất với *điểm h Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP về cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm* | Tiếp thu: Đối với Bếp ăn tập thể không có ngành nghề kinh doanh thực phẩm (không vì mục đích thương mai) đã được bổ sung tại khoản 4 Điều 17 dự thảo Luật *“Tổ chức, cá nhân hoạt động cung cấp thực phẩm không vì mục đích thương mại không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm và tự công bố cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm nhưng phải tuân thủ các điều kiện về kinh doanh thực phẩm tương ứng quy định tại Điều 17”*. |
| **8** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên** | Đề nghị bỏ điểm a, khoản 1, Điều 19. | Tiếp thu và đã bỏ điểm a, khoản 1, Điều 19. |
| Bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 19  b) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ  - Sửa thành:  b) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, ngoại trừ những trường hợp cơ sở dịch vụ ăn uống chế biến ra thực phẩm mà khởi đầu từ sản xuất, chế biên từ nguyên liệu là thực phẩm tươi sống. | Giải trình: Khái niệm cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ đã được giải thích tại điểm 26 Điều 2 dự thảo Luật. Do vậy xin được giữ nguyên như dự thảo. |
| **9** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Hiện nay các thủ tục về đăng ký lưu hành hay tự công bố đều phải thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý. Do đó, cần có quy định về việc xây dựng đồng bộ hệ thống thông tin điện tử từ trung ương đến địa phương đảm bảo dễ sử dụng, công khai, minh bạch để người dân và cơ quan chức năng dễ dàng tra cứu, giám sát. | Tiếp thu và đã bổ sung vào lộ trình tại Điều 54 dự thảo Luật. |
| **10** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | - Đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 19. Tự công bố đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Cần có các hướng dẫn chi tiết, đơn giản và dễ hiểu để các cơ sở này có thể thực hiện đúng quy định, đồng thời tăng cường hậu kiểm để đảm bảo tuân thủ.  - Bên cạnh đó, đề nghị xem xét lại quy định này vì các đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 19 này có nguy cơ cao gây mất an toàn thực phẩm nếu không được kiểm soát chặt chẽ. Do đó, đề nghị nên duy trì quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để tăng cường giám sát đối với các đối tượng nêu trên. | Giải trình:  - Do thực hiện yêu cầu của Quốc hội về xây dựng luật khung, luật ống nên việc hướng dẫn chi tiết đối tượng tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm được thực hiện ở các văn bản dưới Luật.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật.  - Tiếp thu 1 phần: Đã đưa cơ sở dịch vụ ăn uống lên thành đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện thực phẩm. Ngoài ra, tại khoản 6 Điều 18 dự thảo Luật đã quy định *“6. Tùy từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ xem xét, điều chỉnh các trường hợp phải cấp giấy chứng nhận hoặc tự công bố tại khoản 2 và khoản 3 Điều này”.* |
| - Đề nghị bổ sung: Đối tượng cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ do ngành nông nghiệp quản lý an toàn thực phẩn đối với cơ sở trồng trọt chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ). | Giải trình:  Đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ không phải là cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm phải cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc có quy mô công nghiệp, chế biến bao gói sẵn thì thuộc đối tượng quy định tại điểm b và d khoản 2 Điều 16 dự thảo Luật. |
| **11** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Khoản 2 Điều 18: Bổ sung vào khoản 2, cơ sở được cấp giấy chứng nhận bao gồm:  - Cơ sở sản xuất thực phẩm bao gói sẵn (sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình);  - Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Lý do: - Cơ sở sản xuất thực phẩm bao gói sẵn cần được kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm (kể cả hộ kinh doanh) như: cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước đá dùng liền, ...Hiện nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An có hơn 100 cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình tuy nhiên chỉ có hơn 20 cơ sở là đăng ký doanh nghiệp còn lại là hộ kinh doanh, điều kiện về địa điểm, bố trí khu vực sản xuất, cơ sở vật chất, máy móc còn rất hạn chế không đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm nên cần được quản lý chặt chẽ.  - Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không được quy định tại Điều 19 (Tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm) do đó cần bổ sung vào quy định tại khoản 2 Điều 18 (cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm). Mặt khác, nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống quy mô lớn, có tổ chức sự kiện, tiệc cưới, hội nghị cần thiết cho vào quy định thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. | Tiếp thu và đã chỉnh lý tại khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật |
| Khoản 1 Điều 19  Bổ sung vào *“khoản 1. Đối tượng thực hiện tự công bố đủ điều kiện an toàn thực phẩm”* đối với: Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (đối với doanh nghiệp) như siêu thị, trung tâm thương mại kinh doanh thực phẩm,...  Lý do: Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (đối với doanh nghiệp) chưa được quy định tại khoản 2 Điều 18, khoản 1 Điều 19. | Tiếp thu và đã bổ sung “cơ sở bán lẻ” vào đối tượng tự công bố. |
| **12** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Điều 18: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể đối với cơ sở sản xuất nhóm thực phẩm được đánh giá nguy cơ trung bình và nguy cơ thấp được quy định tại Điều 32. | Giải trình:  Điều 18 dự thảo Luật đang quy định cho các cơ sở kinh doanh sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao. Do vậy nhóm sản phẩm thực phẩm được đánh giá nguy cơ trung bình và nguy cơ thấp thực hiện tự công bố và không thuộc điều chỉnh của Điều này.  Do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| Khoản 1 Điều 19: Đề nghị bổ sung nhóm đối tượng “Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ” | Giải trình:  Đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ không phải là cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm phải cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc có quy mô công nghiệp, chế biến bao gói sẵn thì thuộc đối tượng quy định tại điểm b và d khoản 2 Điều 16 dự thảo Luật. |
| **13** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại điểm c, khoản 2 Điều 18. “Bếp ăn tập thể và cơ sở cung cấp xuất ăn sẵn”  *Đề nghị sửa thành* “Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống” để tránh bỏ sót đối tượng quản lý. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật. |
| **18. Điều 19** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Đề nghị bỏ thủ tục “Gia hạn” vì bản chất đây là cấp mới để giảm đầu thủ tục hành chính. | Giải trình:  Quy định gia hạn sẽ giữ nguyên số của giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm hoặc bản tự công bố. Dự kiến hồ sơ, thủ tục gia hạn sẽ đơn giản hơn hồ sơ, thủ tục đăng ký mới.  Do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **19. Điều 20** | | | |
| **1** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Khoản 1 Điều 21: Không quy định trường hợp thu hồi gỡ bỏ thông tin khi có các vi phạm về điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định đối với cơ sở sản xuất. | Giải trình:  Đối với trường hợp cơ sở vi pham điều kiện an toàn thực phẩm mà liên quan đến chất lượng, an toàn của sản phẩmthì bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành hoặc bản tự công bố.  Đã giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm, gỡ bỏ hồ sơ tự công bố cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm.  Do vậy, xin được giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Nghệ An** | Khoản 1 Điều 21  Cần quy định rõ các điều kiện, mức độ không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 17 để dễ triển khai áp dụng.  Lý do: Nếu không đáp ứng một trong các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, cơ sở sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc Tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì phạm vi thu hồi quá rộng, có những hành vi không đến mức gây hậu quả nghiêm trọng, có thể khắc phục ngay. Mặt khác cần có quy định rõ trong trường hợp này để có thể thực hiện thu hồi khả thi và bảo đảm tính công bằng trong công tác quản lý cơ sở. | Tiếp thu và đã giao Chính phủ quy định chi tiết trường hợp không đáp ứng điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm hoặc tự công bố cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm thì mới bị thu hồi, gỡ bỏ thông tin tự công bố. |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Điểm b khoản 1: *“b) Không đáp ứng một trong các điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Điều 17 Luật này”*  Đề nghị chỉnh sửa nội dung theo đúng nội dung của Điều 17 (không quy định các điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tự công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm). | Tiếp thu và đã giao Chính phủ quy định chi tiết trường hợp không đáp ứng điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm hoặc tự công bố cơ sở đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm thì mới bị thu hồi, gỡ bỏ thông tin tự công bố. |
| 4 | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Khoản 2, điều 21. “ Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, *gỡ bỏ hồ sơ tự công bố* cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” .  *Đề nghị sửa thành* “Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, *gỡ bỏ thông tin về cơ sở tự công bố* đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền”. | Tiếp thu và đã bổ sung vào khoản 2 Điều 20 dự thảo Luật. |
| **20. Điều 25** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Trị** | Góp ý bổ sung Điều 26. Quảng cáo thực phẩm:  Luật cần quy định rõ ràng về trách nhiệm của người nổi tiếng, người có ảnh hưởng khi quảng cáo thực phẩm, đặc biệt là thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe.  *\* Lý do:* Gần đây nổi lên tình trạng “review ảo”, quảng cáo sai sự thật, tạo lòng tin sai lệch cho người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm. | Tiếp thu theo hướng phải siết chặt việc xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm trước khi tiến hành quảng cáo; bổ sung quy định về quản lý thực phẩm trên các nền tảng trực tuyến, sàn thương mại điện tử, đặc biệt là trên các mạng xã hội, xác định rõ trách nhiệm của những người nổi tiếng, KoLs,…khi xảy ra vi phạm và nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 7 và giao cho Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 25 dự thảo Luật. Đối với nội dung về người có ảnh hưởng đã được quy định tại khoản 3 Điều 15a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Đề nghị bổ sung trách nhiệm của cơ sở có nội dung quảng cáo, đơn vị/người quảng cáo tại Điều 26. | Luật Quảng cáo đã quy định đầy đủ các đối tượng, chủ thể tham gia quảng cáo. Do vậy, khoản 1 Điều 25 đã sửa lại như sau: *“Việc quảng cáo thực phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo và quy định tại Luật này”.* |
| **3** | **Sở Y tế tỉnh Đồng Nai** | Về quảng cáo thực phẩm: Cần bổ sung quy định đối với quảng cáo trên nền tảng mạng xã hội. | Giải trình: Điều 23 Luật Quảng cáo và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Quảng cáo đã quy định về quảng cáo trên nền tảng mạng xã hội. Tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Luật quy định quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm thực phẩm phải tuân thủ quy định của pháp luật như sau: Tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về thương mại điện tử, pháp luật về quảng cáo, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **21. Điều 26** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Tại khoản 3 Điều 27: *“Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định cụ thể nhãn bao bì ngoài của thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm phải được in mã vạch (Barcode), mã QR, mã DataMatrix hoặc các hình thức in mã khác theo quy định của pháp luật có liên quan trên bao bì ngoài của thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm của các cơ sở sản xuất nhằm quản lý, nhận diện, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm lưu hành trên thị trường”.*  Quy định tại Khoản 3 Điều này sẽ rất khó cho tổ chức, các nhân kinh doanh thực hiện nghĩa vụ (đối với quyền của người tiêu dùng) khi người tiêu dùng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc nêu tại điểm c khoản 1 Điều 36 (đặc biệt đối tượng kinh doanh nhỏ lẻ, nuôi trồng, đánh bắt, khai thác mang ra chợ bán, hoặc hộ kinh doanh chưa áp dụng truy xuất bằng mã QR Code). | Giải trình:  Việc yêu cầu phải quản lý, nhận diện, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm lưu hành trên thị trường đang là xu hướng tất yếu trên thế giới. Do vậy, khoản 3 Điều 26 không yêu cầu thực hiện ngay mà giao Chính phủ Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để quy định cụ thể cho phù hợp. |
| **22. Điều 28** | | | |
| **1** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Khoản 4 Điều 28: Nội dung *“cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện hoạt động quy định tại khoản b khoản 2 Điều này đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm do cơ sở tự sản xuất”* không phù hợp; đề nghị cơ sở kiểm nghiệm quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 28 phải là Phòng kiểm nghiệm độc lập đạt chuẩn theo quy định; | Giải trình:  Dự thảo Luật đã quy định điều kiện của cơ sở sản xuất thực phẩm, gồm cả điều kiện của phòng kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất (GMP, ISO/IEC 17025). Vì vậy dự thảo Luật cho phép cơ sở tự kiểm nghiệm sản phẩm thực phẩm do cơ sở sản xuất để phục vụ việc đăng ký lưu hành, tự công bố nhằm nâng cao trách nhiệm của cơ sở đối với sản phẩm của mình và giảm chi phí cho doanh nghiệp sản xuất.  Khi tiến hành kiểm tra hậu kiểm, dự thảo Luật cũng đã quy đinh cơ quan có thẩm quyền sẽ chỉ định phòng kiểm nghiệm độc lập đạt chuẩn để kiểm tra sản phẩm.  Do vậy, đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | Khoản 3. *“Trách nhiệm của các cơ sở kiểm nghiệm…và kết luận đạt hay không đạt theo từng chỉ tiêu và kết luận chung đối với mẫu thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến.”* Đề nghị bỏ nội dung: *“và kết luận đạt hay không đạt theo từng chỉ tiêu và kết luận chung”* và sửa thành: *“Trách nhiệm của các cơ sở kiểm nghiệm đối với mẫu thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến.”* | Giải trình: Yêu cầu việc cơ *sở kiểm nghiệm…và kết luận đạt hay không đạt theo từng chỉ tiêu và kết luận chung đối với mẫu thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến nhằm n*âng cao hiệu quả kiểm soát chất lượng kiểm nghiệm thực phẩm; giảm rủi ro, thời gian xét duyệt hồ sơ công bố, tự công bố và bảo đảm thống nhất một đầu mối về quản lý thực phẩm.  Do vậy, đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **23. Điều 30** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng** | Bổ sung thêm khoản 5 vào Điều 30 như sau: *“5. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm phát sinh trong quá trình thẩm định, đánh giá cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn thực phẩm theo đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân thì do tổ chức, cá nhân tự chi trả”.* | Tiếp thu và bổ sung vào khoản 5 Điều 30 dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Khoản 2 . “Căn cứ kết quả kiểm nghiệm, cơ quan ra quyết định kiểm tra, thanh tra, kết luận tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm vi phạm quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân đó phải hoàn trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm cho cơ quan kiểm tra, thanh tra”  *Đề nghị sửa thành* “Căn cứ kết quả kiểm nghiệm, cơ quan ra quyết định kiểm tra, thanh tra, kết luận tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm vi phạm quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân đó phải hoàn trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm cho cơ quan kiểm tra, thanh tra *hoặc trả chi phí trực tiếp cho cơ quan kiểm nghiệm*”. | Tiếp thu đã chỉnh sửa khoản 2 Điều 30 dự thảo Luật. |
| **24. Chương VIII** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Phân tích và quản lý nguy cơ và khắc phục sự cố đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm: Các nội dung về trách nhiệm quản lý của các Bộ tại điều 44 giao cho Chính phủ quy định nên các điều của Chương chưa cụ thể, khó áp dụng. | Tiếp thu và đã bổ sung cụ thể trách nhiệm của các Bộ tại Điều 44 dự thảo Luật. |
| **25. Điều 36, Điều 37** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | - Các quy định về truy xuất nguồn gốc (Điều 36) và thu hồi, xử lý thực phẩm không an toàn (Điều 37) là cần thiết. Tuy nhiên, cần làm rõ trách nhiệm và quy trình phối hợp giữa các bên trong chuỗi cung ứng khi thực hiện truy xuất và thu hồi sản phẩm. Đặc biệt, việc tiêu hủy thực phẩm không an toàn cần được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. | Giải trình: Tại khoản 1 Điều 37 đã quy định *“Bộ trưởng các Bộ được phân công quản lý nhà nước liên quan quy định cụ thể việc thu hồi và xử lý đối với sản phẩm thực phẩm không bảo đảm chất lượng, an toàn”;*  Và khoản 2 Điều 37 đã quy định *“Việc tiêu hủy đối với sản phẩm thực phẩm không bảo đảm chất lượng, an toàn thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”.*  Do vậy, đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| - Việc truy xuất nguồn gốc còn dừng lại ở truy xuất truyền thống, chưa bắt buộc áp dụng công nghệ số, vì vậy, đề nghị xem xét, bổ sung quy định triển khai hệ thống truy xuất điện tử để mọi sản phẩm thực phẩm đều có mã QR truy xuất; Yêu cầu bắt buộc cơ sở sản xuất, kinh doanh có cấp độ nhất định kết nối với nền tảng quốc gia để công khai thông tin; Mức chế tài cụ thể khi trốn tránh truy xuất nguồn gốc số hóa, xử lý nghiêm vi phạm không tuân thủ hệ thống. | Giải trình:  Nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 26 dự thảo Luật.  Do vậy, đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| - Tại Điểm c. Khi người tiêu dùng có nhu cầu truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm” Đề nghị bỏ Điểm c Điều 36. Do Khoản 1 Điều 9 Quyền hạn của người tiêu dùng không quy định nội dung này và Theo Khoản 1 Điều 3 Luật số: 19/2023/QH15 người tiêu dùng được hiểu rất rộng, quy định sẽ khó khăn trong việc thực thi khi không có điều kiện kèm theo. | Giải trình:  Việc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 nhằm giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Tại điểm a khoản 1 Điều 8 đã quy định người tiêu dùng thực phẩm có quyền được cung cấp thông tin trung thực an toàn thực phẩm… Mặt khác tại khoản 3 Điều 26 dự thảo Luật cũng quy định người dân có quyền nhận diện, truy xuất nguồn gốc theo nhãn bao bì ngoài của sản phẩm.  Do vậy, đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Luật. |
| **26. Điều 44** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai;**  **Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng;**  **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;**  **Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh** | Điều 44 về trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm hiện tại chưa phân định rõ cơ quan trung ương đầu mối chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý an toàn thực phẩm. Việc phân công hiện nay vẫn đang theo nhóm thực phẩm cho 03 bộ (Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công Thương) dẫn đến chồng chéo, phân tán nguồn lực, khó khăn trong cấp phép, kiểm tra, xử lý vi phạm và truy xuất nguồn gốc.  Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định phân công một cơ quan trung ương đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về thực phẩm, chịu trách nhiệm tổng hợp, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giám sát toàn diện chuỗi thực phẩm từ sản xuất, chế biến đến tiêu dùng. Cơ quan này trực thuộc Chính phủ, tương ứng ở địa phương cũng sẽ có cơ quan trực thuộc UBND tỉnh chịu trách nhiệm về quản lý ATTP tại địa phương (giống mô hình quản lý ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay) đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong thực thi pháp luật; thuận lợi trong chỉ đạo điều hành, xử lý khẩn cấp (dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm…); đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số.  Ngoài ra, khi thực hiện chính quyền hai cấp, nhiệm vụ sẽ được phân cấp rất nhiều về các Sở và UBND cấp xã. Khi đó, Sở Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường sẽ quá tải, trong khi cấp xã lại yếu về năng lực và nguồn lực. Đề nghị bổ sung một điều khoản trong Luật cho phép **UBND cấp tỉnh được quyền quyết định thành lập các “Cụm quản lý ATTP liên xã”** đối với các khu vực có điều kiện địa lý, kinh tế - Xã hội tương đồng. Mỗi cụm sẽ có một tổ công tác hoặc một cán bộ chuyên trách ATTP (thuộc biên chế của Sở Y tế hoặc một đơn vị cấp tỉnh) phụ trách quản lý, hướng dẫn, kiểm tra cho một nhóm 3-5 xã nhằm giải quyết bài toán thiếu nhân lực. Thay vì mỗi xã có một cán bộ yếu, một cán bộ giỏi có thể quản lý hiệu quả một cụm. Mô hình này linh hoạt, phù hợp với địa hình vùng cao như của Lào Cai. | Tiếp thu:  Đã chỉnh lý lại theo hướng phân định rõ Bộ Y tế là cơ quan trung ương đầu mối chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý an toàn thực phẩm, Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm theo chức năng nhiệm vụ được giao và UBND các tỉnh chịu trách nhiệm quản lý thực phẩm tại địa phương và thực hiện phân công, phân cấp theo thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh An Giang** | Trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp cần được quy định chi tiết hơn nữa để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và tránh chồng chéo. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại dự thảo Luật.  Giải trình: Theo yêu cầu của Quốc hội, việc xây dựng Luật phải theo luật khung, luật ống. Do vậy, trách nhiệm cụ thể của các Bộ, UBND các cấp thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
| **3** | **Sở Y tế thành phố Huế** | Đề nghị Bộ Y tế cần làm rõ hơn trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp (Khoản 4, Điều 44 Dự thảo Luật An toàn thực phẩm) để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025. |
| **27. Điều 45** | | | |
| **1** | **Chi Cục ATVSTP Hưng Yên** | **Sửa Điều 45**  ***“1. Bộ Y tế thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với thực phẩm.***  *2. Các Bộ được phân công quản lý nhà nước về thực phẩm tổ chức, thực hiện việc kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm theo quy định* ***của pháp luật.***  *3. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức, thực hiện việc kiểm tra thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm trong phạm vi địa phương.*  *4. Trong trường hợp kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm có liên quan đến phạm vi quản lý của nhiều ngành hoặc địa phương, cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để thực hiện.*  *5. Các Bộ được phân công quản lý nhà nước về thực phẩm quy định cụ thể về hoạt động kiểm tra thực phẩm trong phạm vi quản lý nhà nước được phân công.*  *6. Chính phủ quy định cụ thể quyền hạn và nhiệm vụ của cơ quan* ***tham gia*** *quản lý an toàn thực phẩm trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành.”* | Giải trình: Không tiếp thu vì hiện nay tại khoản 3 Điều 44 dự thảo Luật đang quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:  *“a) Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy định về sản xuất ban đầu, kiểm dịch động thực vật và sơ chế thực phẩm lưu thông trên thị trường;*  *b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế tổ chức phân tích nguy cơ về sản xuất ban đầu, kiểm dịch động thực vật và sơ chế thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.”.*  Tại khoản 19 Điều 2 dự thảo Luật đã quy định sơ chế thực phẩm là: *“Sơ chế thực phẩm là việc xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm.”*  Việc kiểm tra thực phẩm lưu thông trên thị trường thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; việc kiểm tra thực phẩm trong quá trình sơ chế thực phẩm thuộc trách nhiệm Bộ Nông nghiệp và Môi trường.  Do vậy, Ban soạn thảo xin giữ nguyên trách nhiệm kiểm tra an toàn thực phẩm của Bộ Y tế như trong dự thảo Luật. |
| **28. Điều 46** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Nguyên tắc kiểm tra an toàn thực phẩm: Cần quy định rõ hơn về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý và cơ quan điều tra trong việc xử lý các vụ việc nghiêm trọng, đặc biệt là khi có dấu hiệu hình sự. | Tiếp thu và đã bổ sung vào khoản 4 Điều 46 và khoản 5 Điều 48 dự thảo Luật. |
| **29. Điều 47** | | | |
| **1** | **Sở Y tế thành phố Hải Phòng** | Điều 47: Đề nghị xem xét lại quy định *“Việc tiến hành kiểm tra chuyên ngành an toàn thực phẩm được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến từ xa dựa trên dữ liệu điện tử”;* do kiểm tra chuyên ngành an toàn thực phẩm là hình thức kiểm tra chuyên sâu lĩnh vực an toàn thực phẩm, do vậy cần xem xét kiểm tra trực tuyến có phù hợp trong giai đoạn hiện nay. | Giải trình:  Nội dung về kiểm tra theo hình thức trực tuyến phù hợp với Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 5/8/2025 của Chính phủ quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Tại Điều 47 về hình thức kiểm tra, Luật cần quy định rõ vai trò giám sát của các tổ chức chính trị, xã hội, bổ sung điều khoản quy định kết quả giám sát, phản ánh bằng văn bản (kèm bằng chứng) của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... là một trong những căn cứ pháp lý chính thức để cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh quyết định tiến hành kiểm tra đột xuất đối với một cơ sở, nhằm tăng cường tai mắt giám sát tại cơ sở, tiết kiệm nguồn lực kiểm tra, giúp các cuộc kiểm tra của cấp tỉnh có mục tiêu và hiệu quả hơn. | Giải trình: Chức năng giám sát của các tổ chức chính trị, xã hội đã được quy định tại các văn bản về chức năng nhiệm vụ của các tổ chức này.  Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **30. Điều 48** | | | |
| **1** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên** | **Khoản 5, Điều 48**  *“5. Trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra chuyên ngành để chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;”*  - Sửa thành:  *“Trong quá trình xem xét, xử lý vụ vi phạm, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.”* (theo khoản 12, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính). | Tiếp thu và đã chỉnh sửa lại khoản 5 Điều 48 dự thảo Luật như sau: *“Trong quá trình xem xét, xử lý vụ vi phạm, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự”.* |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Lai Châu** | Điểm a, đ, e khoản 2 có nội dung quy định viện dẫn đến *Điều 30, Điều 40, Điều 44 và Điều 46 của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa*, tuy nhiên Điều 30, Điều 40 và Điều 44 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 đã bị bãi bỏ bởi khoản 25 Điều 1 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi năm 2025, Điều 46 được được sửa đổi bởi khoản 20 Điều 1 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi 2025. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa điểm a, đ, e khoản 2 Điều 48 cho phù hợp, chính xác hơn. | Tiếp thu và bãi bỏ việc quy định cụ thể các Điều tại Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. |
| **31. Điều 49** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Ninh Bình** | Xử lý chồng chéo trong hoạt động kiểm tra thực phẩm: Cần có hướng dẫn chi tiết về cơ chế phối hợp này để tránh tình trạng “đá bóng” trách nhiệm giữa các cơ quan. | Giải trình: Cơ chế phối hợp, xử lý chồng chéo trong hoạt động kiểm tra thực phẩm đã được quy định tại Điều 49 dự thảo Luật và Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 5/8/2025 của Chính phủ quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Lai Châu** | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa việc viện dẫn Luật Thanh tra cho đảm bảo theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (*Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản*) | Tiếp thu và đã chỉnh sửa lại dự thảo Luật. |
| **32. Điều 51** | | | |
| **1** | **Chi cục ATVSTP Hưng Yên** | Khoản 1,2 Điều 6. *“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.*  *2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Luật này hoặc các quy định khác của pháp luật về an toàn thực phẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.”*  Sửa thành: *1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính; truy cứu trách nhiệm hình sự; bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.*  *2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Luật này hoặc các quy định khác của pháp luật về an toàn thực phẩm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật; truy cứu trách nhiệm hình sự; bồi thường theo quy định của pháp luật.”* | Giải trình: Để bảo đảm thống nhất với Điều 13 Luật xử lý vi phạm hành chính, cơ quan chủ trì soạn thảo Luật xin được giữ nguyên như dự thảo. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Quảng Trị, Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Góp ý Điều 6. Xử lý vi phạm pháp luật về an toàn, chất lượng thực phẩm:  Tăng mạnh hơn nữa mức phạt hành chính theo quy định hoặc hình sự hóa bắt buộc đối với hành vi vi phạm có tổ chức, hành vi tái phạm, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng và cộng đồng.  *\* Lý do*: Các vụ ngộ độc, thực phẩm kém chất lượng đang để lại những hậu quả nặng nề cho xã hội nhưng nhiều trường hợp mức phạt vẫn còn nhẹ, thiếu tính răn đe mạnh. | Giải trình: tại khoản 3 Điều 51 dự thảo Luật đã quy định tăng mức phạt tiền tối đa so với mức phạt tiền tối đa của Luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể: “Mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Mức phạt tiền tối đa là 200.000.000 đồng đối với cá nhân và 400.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp áp dụng mức phạt cao nhất theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà vẫn còn thấp hơn 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm thì mức phạt được áp dụng không quá 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm. Tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.” Do vậy, xin giữ nguyên như dự thảo. |
| **33. Chương X** | | | |
| **1** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa** | Quy định rõ về **“Hậu kiểm”** sau công bố, cấp phép đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, công bố sản phẩm thực phẩm. | Tiếp thu và đã bổ sung thêm Điều 50 Hậu kiểm sản phẩm thực phẩm vào dự thảo Luật. |
| **2** | **Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa, Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa** | Thống nhất về Trách nhiệm quản lý nhà nước về thực phẩm tại Điều 44 và Trách nhiệm kiểm tra thực phẩm tại Điều 45; đồng thời quy định trách nhiệm rõ ràng giữa các Bộ quản lý chuyên ngành (Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương), trách nhiệm, thẩm quyền của Chính quyền địa phương để tránh chồng chéo trong quản lý an toàn thực phẩm. | Tiếp thu.  Đã chỉnh sửa tại Điều 44 dự thảo Luật theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng đối với nhiệm vụ của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính (do chức năng quản lý thị trường đã được chuyển từ Bộ Công Thương về Bộ Tài chính) để đảm bảo thực hiện thống nhất một đầu mối.  Ý kiến này đã được thể hiện tại khoản 6 Điều 44 và khoản 3 Điều 45 dự thảo Luật, trong đó đã quy định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện kiểm tra thực phẩm. Trên cơ sở các quy định này, Chính phủ sẽ ban hành quy định chi tiết thi hành Luật An toàn thực phẩm, trong đó giao UBND các tỉnh phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể của các Sở, ban, ngành để tổi ưu hóa nguồn lực. |
| **3** | **UBND tỉnh Cao Bằng** | Tại Chương X của dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi): Đề nghị phân cấp rõ hơn trách nhiệm của UBND các cấp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đặc biệt là cấp xã, phường để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trên thực tiễn khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Mặt khác, cần có quy định về cơ chế phối hợp liên ngành cụ thể hơn giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương để tránh sự chồng chéo, trùng lặp trong công tác kiểm tra, thanh tra. | Ý kiến này đã được thể hiện tại khoản 6 Điều 44 và khoản 3 Điều 45 dự thảo Luật, trong đó đã quy định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện kiểm tra thực phẩm. Trên cơ sở các quy định này, Chính phủ sẽ ban hành quy định chi tiết thi hành Luật An toàn thực phẩm, trong đó giao UBND các tỉnh phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể của các Sở, ban, ngành để tổi ưu hóa nguồn lực. |
| a) Nội dung hạn chế, vướng mắc:  Hằng năm tại địa phương khi thực hiện công tác hậu kiểm đã được Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm và các Bộ, ngành hướng dẫn triển khai thực hiện. Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn do chưa có quy định. Một số khó khăn trong quá trình triển khai cụ thể như sau:  - Chưa quy định về tần suất hậu kiểm đối với 01 loại sản phẩm, hoặc chưa có liên thông trong công tác hậu kiểm để tránh lãng phí chồng chéo khi nhiều địa phương cùng hậu kiểm 01 loại sản phẩm.  - Chưa có quy định chỉ tiêu hậu kiểm bắt buộc toàn bộ hay 1 phần. Các văn bản hướng dẫn kiểm nghiệm của Bộ, ngành không hướng dẫn rõ ràng về bắt buộc kiểm nghiệm đối với các chỉ tiêu kiểm nghiệm. Do vậy, quá trình triển khai công tác tại địa phương chỉ thực hiện hậu kiểm đối với một số chỉ tiêu nghi ngờ, tuy nhiên điều này dẫn đến chưa khách quan, minh bạch.  - Chi phí hậu kiểm tại địa phương được trích từ ngân sách nhà nước để phục vụ cho công tác quản lý. Tuy nhiên, quá trình thực hiện thường rất tốn kém do chi phí dành cho việc phân tích mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu chiếm đa số và rất lớn. Quá trình thực hiện hậu kiểm về chỉ định cơ sở kiểm nghiệm liên quan đến các luật khác như: Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong khi nguồn lực thực hiện công tác đấu thầu tại cơ quan quản lý nhà nước còn yếu và thiếu.  - Dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) chưa có khái niệm “hậu kiểm. Mặc dù có các điều khoản liên quan đến “kiểm tra” và “giám sát”, “kiểm nghiệm” nhưng chưa có quy định cụ thể cho công tác “hậu kiểm”.  b) Đề xuất bổ sung nội dung “Hậu kiểm” vào dự thảo Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), trong đó: Luật cần quy định cụ thể về khái niệm, mục đích, nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, liên thông trong công tác hậu kiểm tránh chồng chéo trong công tác hậu kiểm; đề xuất chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Cần có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các Bộ ngành (Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương) và các cấp chính quyền địa phương trong việc triển khai hậu kiểm.  Lý do: Công tác hậu kiểm đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản lý an toàn thực phẩm, nhất là đối với các sản phẩm đã tự công bố, sản phẩm nhập khẩu được miễn/giảm kiểm tra và các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Việc quy định điều khoản cụ thể trong Luật đối với công tác “hậu kiểm” cho thấy tầm quan trọng của hậu kiểm và tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động này. Hậu kiểm là công cụ hiệu quả để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm, đồng thời chấn chỉnh hoạt động quảng cáo và kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng. | Tiếp thu.  Đã chỉnh sửa tại Điều 44 dự thảo Luật theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng đối với nhiệm vụ của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính (do chức năng quản lý thị trường đã được chuyển từ Bộ Công Thương về Bộ Tài chính) để đảm bảo thực hiện thống nhất một đầu mối.  - Tiếp thu và đã bổ sung tại khoản 3 Điều 47 cụ thể như sau:  “*Tần suất kiểm tra thực phẩm tùy thuộc vào nhóm nguy cơ:*  *a) Không quá 02 lần/01 năm đối với nhóm nguy cơ cao;*  *b) Không quá 01 lần/01 năm đối với nhóm nguy cơ trung bình;*  *c) Không quá 01 lần/02 năm đối với nhóm nguy cơ thấp;*  *d) Không giới hạn tần suất kiểm tra đối với trường hợp có dấu hiệu vi phạm”.*  - Giải trình: nội dung này đang giao Chính phủ quy định chi tiết nên xin được giữ nguyên như dự thảo  - Giải trình: Nội dung này không thuộc phạm vi quy định của Luật này.  - Giải trình: Công tác hậu kiểm được thể hiện thông qua hình thức lấy mẫu kiểm nghiệm, kiểm tra giám sát sau khi thực phẩm được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc tự công bố để được đưa ra lưu thông trên thị trường. Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật.  - Giải trình:  Công tác hậu kiểm được thể hiện thông qua hình thức lấy mẫu kiểm nghiệm, kiểm tra giám sát sau khi thực phẩm được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc tự công bố để được đưa ra lưu thông trên thị trường. Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật.  Nội dung liên quan đến công tác phối hợp trong thanh, kiểm tra về an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường đã được quy định tại Điều 45 của dự thảo Luật. Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| **4** | **Sở Y tế tỉnh Lào Cai** | Điều 13, 19 về Đăng ký lưu hành và tự công bố đã được quy định chi tiết, chặt chẽ. Tuy nhiên, Luật cần nhấn mạnh và giao trách nhiệm rõ hơn cho UBND các cấp trong việc bố trí nguồn lực cho hoạt động hậu kiểm, nếu không việc tự công bố sẽ trở thành một lỗ hổng lớn trong quản lý. | Tiếp thu và đã quy định tại dự thảo Luật. |
| **5** | **Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên** | Bổ sung nội dung quy định về hậu kiểm; về văn hóa an toàn thực phẩm. | - Giải trình:  Công tác hậu kiểm được thể hiện thông qua hình thức lấy mẫu kiểm nghiệm, kiểm tra giám sát sau khi thực phẩm được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc tự công bố để được đưa ra lưu thông trên thị trường. Do vậy, xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. |
| Làm rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng bộ, ngành, tránh chồng chéo. | Tiếp thu.  Đã chỉnh sửa tại Điều 44 dự thảo Luật theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng đối với nhiệm vụ của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính (do chức năng quản lý thị trường đã được chuyển từ Bộ Công Thương về Bộ Tài chính) để đảm bảo thực hiện thống nhất một đầu mối. |